

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0300872315

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 09 năm 1992

Đăng ký thay đổi lần thứ: 45, ngày 03 tháng 08 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM A**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **NAM A COMMERCIAL JOINT STOCK BANK**

Tên công ty viết tắt: **NAM A BANK.**

2. Địa chỉ trụ sở chính

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 04, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 08-39296699

Fax: 08-39296688

Email: namabank@namabank.com.vn

Website: www.namabank.com.vn

3. Vốn điều lệ: 10.580.416.150.000 đồng.

Bằng chữ: Mười nghìn năm trăm tám mươi tỷ bốn trăm mười sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.058.041.615

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **TRẦN NGÔ PHÚC VŨ**

Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Chủ tịch hội đồng quản trị**

Sinh ngày: **23/08/1972** Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **068072004055**

Ngày cấp: **28/08/2021** Nơi cấp: **Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội**

Địa chỉ thường trú: **161 Trần Phú, Xã Lộc Nga, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**

Địa chỉ liên lạc: **161 Trần Phú, Xã Lộc Nga, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**

PHÓ CHỦ TỊCH UBND P. BÀN CỜ TP. HCM



Phạm Đăng Nam



Hồ Hoàng Sơn

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18 /GP-NHNN

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2023

GIẤY PHÉP

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN

THÔNG ĐỘC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 (đã được sửa đổi, bổ sung) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

Xét Đơn đề nghị cấp đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động tại Văn bản số 802/2022/HĐQT-NHNA ngày 27/7/2022, Văn bản số 996/2022/HĐQT-NHNA ngày 27/9/2022, số 1218/2022/HĐQT-NHNA ngày 23/11/2022, số 51/2023/HĐQT-NHNA ngày 19/01/2023, số 306/2023/HĐQT-NHNA ngày 22/03/2023 và hồ sơ kèm theo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số 0026/NH-GP ngày 22/8/1992 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á như sau:

1. Tên Ngân hàng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á.

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Nam A Commercial Joint Stock Bank.

2. Địa chỉ trụ sở chính: 201-203 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Vốn điều lệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á là 8.464.346.610.000 đồng (Tám nghìn bốn trăm sáu mươi bốn tỷ ba trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm mười nghìn đồng).



Điều 3. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á là 99 năm kể từ ngày 22/8/1992.

Điều 4. Nội dung hoạt động

Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - đ) Bao thanh toán trong nước;
3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
 - a) Cung ứng phương tiện thanh toán;
 - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
5. Mở tài khoản:
 - a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
8. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
9. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
10. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
11. Dịch vụ môi giới tiền tệ.
12. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
13. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

14. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

15. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

16. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

17. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

18. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước (Trong đó, lưu ý phạm vi hoạt động cụ thể theo đúng nội dung Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á đã đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, chấp thuận tại các Văn bản số 552/2018/NHNA-01 ngày 02/8/2018, số 167/2020/NHNA-01 ngày 11/3/2020, 02/3/2022, số 171/2022/NHNA-01 ngày 02/3/2022, số 1107/2020/NHNA-01 ngày 25/12/2020, số 274/2022/NHNA-01 ngày 23/3/2022 và hồ sơ, tài liệu kèm theo).

19. Kinh doanh mua, bán vàng miếng.

20. Ví điện tử.

21. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

22. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

23. Mua nợ.

24. Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0026/NH-GP ngày 22/8/1992 do Ngân hàng Nhà nước cấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á; Quyết định số 160/QĐ-NH5 ngày 22/8/1992 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc cấp Giấy phép hoạt động cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á; Quyết định số 241/QĐ-NH7 ngày 3/11/1992, Quyết định số 1061/QĐ-NHNN ngày 22/5/2012, Quyết định số 2262/QĐ-NHNN ngày 15/10/2013, Quyết định số 2948/QĐ-NHNN ngày 13/12/2013, Quyết định số 1697/QĐ-NHNN ngày 21/8/2015, Quyết định số 2497/QĐ-NHNN ngày 01/12/2015, Quyết định số 1242/QĐ-NHNN ngày 26/6/2017, Quyết định số 2171/QĐ-NHNN ngày 16/10/2017, Quyết định số 2501/QĐ-NHNN ngày 18/12/2018, Quyết định số 913/QĐ-NHNN ngày 20/5/2022, Quyết định số 921/QĐ-NHNN ngày 24/5/2022, Quyết định số 1957/QĐ-NHNN ngày 23/11/2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á.

Điều 7. Giấy phép cấp đổi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á; một (01) bản để đăng ký kinh doanh; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, một bản lưu tại hồ sơ cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á) / *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Ban Lãnh đạo NHNN (để b/c);
- UBND TP Hồ Chí Minh (để p/h);
- Sở Giao dịch (để p/h);
- Bộ Công an (để p/h);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để p/h);
- Lưu: VP, TTGSNH2, HMIHUNG (03b) *[Signature]*

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Chứng thực bản sao đúng với bản chính **Đoàn Thái Sơn**
Số chứng thực: **00015140** ngày 10-10-2024 - SCT/BS

Ngày: 10-10-2024

**TU. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH**



Võ Thị Thùy An

Số: 2933 /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi nội dung Văn điều lệ tại Giấy phép thành lập
và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á

VĂN BẢN ĐẾN

Số: 3327
Ngày 09 / 08 / 2025

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư số 06/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Thông tư số 22/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2018/TT-NHNN;

Xét đề nghị của Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á tại Văn bản số 989/2025/CVQT-NHNA ngày 25 tháng 7 năm 2025 và hồ sơ, tài liệu có liên quan;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Điều 2 Giấy phép thành lập và hoạt động số 18/GP-NHNN ngày 13 tháng 4 năm 2023 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á như sau:

“Điều 2. Văn điều lệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á là 17.156.864.800.000 đồng (Mười bảy nghìn một trăm năm mươi sáu tỷ, tám trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm nghìn đồng)”.

Điều 2. Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á có trách nhiệm thực hiện các thủ tục theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các quy định pháp luật có liên quan đối với nội dung sửa đổi nêu tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 18/GP-NHNN ngày 13 tháng 4 năm 2023 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á.

Quyết định số 1951/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thống đốc (để b/c);
- PTĐ Phạm Quang Dũng;
- Thanh tra NHNN (để ph/h);
- Cục ATHT các TCTD (để ph/h);
- Sở Giao dịch (để ph/h);
- NHNN chi nhánh Khu vực 2 (để ph/h);
- Sở Tài chính TP. HCM (để ph/h);
- Lưu: VP, QLGS, BD.VP.

**KT.THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng 037.81-043

Ngày 11 tháng 08 năm 2025

Phạm Quang Dũng

PHÓ CHỦ TỊCH UBND P. BÀN CỜ-TP HCM



Phạm Đăng Nam

NAM A BANK

NAM A BANK – HỘI SỞ

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TPHCM

[T] 028 3929 6899 - [F] 028 3929 6888

[Hotline] 1900 6679 - [W] www.namabank.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 725/2025/NQQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng, trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025 của Ngân hàng TMCP Nam Á và niêm yết trái phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP NAM Á

Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Nam Á đã được sửa đổi, bổ sung và được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/07/2024;

Căn cứ Quy chế cơ cấu tổ chức, quản lý và điều hành của Ngân hàng TMCP Nam Á ban hành theo Quyết định số 1642/2024/QĐQT-NHNA ngày 28/10/2024 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 28/03/2025;

Căn cứ Tờ trình số 43/2025/TTr-NHNA-KDV ngày 21/05/2025 của Phòng Kinh doanh vốn về Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2025 của Ngân hàng TMCP Nam Á đã được Quyền Tổng Giám đốc thông qua;

Căn cứ Biên bản biểu quyết của các Thành viên Hội đồng quản trị thống nhất thông qua.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng, trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025 của Ngân hàng TMCP Nam Á theo **Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2025** (Phương án phát hành) đính kèm Nghị quyết này.

Thống nhất thông qua việc đăng ký, lưu ký trái phiếu đã phát hành thành công theo Phương án phát hành tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết trái phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

Điều 2. Giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc/Quyền Tổng Giám đốc chỉ đạo các cá nhân, bộ phận có liên quan triển khai thực hiện các thủ tục liên quan đến Phương án phát hành, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng TMCP Nam Á và bao gồm các công việc sau:

- (1) Quyết định thời điểm chào bán, đăng ký, lưu ký, niêm yết trái phiếu phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo lợi ích tối ưu cho Ngân hàng TMCP Nam Á.
- (2) Đàm phán, ký kết hợp đồng và các văn bản có liên quan với các tổ chức cung cấp dịch vụ bao gồm nhưng không giới hạn ở các dịch vụ đại lý phát hành, tư vấn phát hành/tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu, tư vấn niêm yết trái phiếu, đại lý đăng ký lưu ký trái phiếu, đại diện người sở hữu trái phiếu, dịch vụ bảo lãnh phát hành.
- (3) Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án phát hành theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; quyết định nội dung cụ thể của các điều khoản và điều kiện trái phiếu nhưng không làm thay đổi các nội dung chính theo Phương án phát hành.
- (4) Quyết định, ký văn bản gửi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu và thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết khác nhằm thực hiện thành công việc phát hành, lưu hành, đăng ký lưu ký trái phiếu tại VSDC và niêm yết trái phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán.
- (5) Thực hiện chế độ báo cáo theo Phương án phát hành.
- (6) Quyết định phương án mua lại trước hạn trái phiếu đã phát hành thành công theo Phương án phát hành.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Nghị quyết số 1570/2024/NQQT-NHNA ngày 11/10/2024 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng, trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024 của Ngân hàng TMCP Nam Á và niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán hết hiệu lực thi hành.

Điều 4. Các Ông (Bà) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Giám đốc Khối, Ban Giám đốc Khu vực, Trưởng Phòng/Ban/Văn phòng/Trung tâm/Chi nhánh/Phòng Giao dịch/Văn phòng Khu vực/Văn phòng đại diện/Công ty con Ngân hàng TMCP Nam Á và các cán bộ nhân viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận: *N*
 - Thành viên HĐQT;
 - Ban kiểm soát;
 - Tổng Giám đốc;
 - Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH

Số chứng thực: **11 890-03**
 Ngày: **18-11-2025**

TU QU CHỦ TỊCH

NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
NAM Á
QUẢNG-TR. HỒ CHÍ MINH

Võ Thị Tuyết Nga

Nguyễn Ngọc Đức

**PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA
CÔNG CHÚNG NĂM 2025**

NAM A BANK

Trụ sở chính : 201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-28) 3929 6699
Fax : (84-28) 3929 6688

TP. Hồ Chí Minh, tháng 6 năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Tên doanh nghiệp	: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á (sau đây gọi là "Ngân hàng TMCP Nam Á" hoặc "Nam A Bank")
Tên tiếng Anh	: Nam A Commercial Joint Stock Bank
Tên viết tắt	: Nam A Bank
Trụ sở chính	: Số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	: (84-28) 3929 6699/ Fax: (84-28) 3929 6688
Địa chỉ thư điện tử	: p.kdv@namabank.com.vn
Website	: www.namabank.com.vn
Loại hình doanh nghiệp	: Ngân hàng thương mại cổ phần, công ty đại chúng
Người đại diện theo pháp luật	: Ông Trần Ngô Phúc Vũ – Chủ tịch Hội đồng quản trị
Giấy phép thành lập và hoạt động số	: 18/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 13/04/2023, Quyết định số 1951/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Nam Á do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 29/04/2025.
Giấy chứng nhận ĐKDN số	: 0300872315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 01/09/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 45 vào ngày 03/08/2023.
Vốn điều lệ	: 13.725.505.530.000 đồng (Bằng chữ: Mười ba nghìn bảy trăm hai mươi lăm tỷ năm trăm lẻ năm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).
Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu	: Tên tài khoản: NGAN HANG TMCP NAM A Số tài khoản: 136000000905 Mở tại: NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Logo	: NAM A BANK
Mã cổ phiếu	: NAB
Sàn niêm yết	: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính:

- Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
- Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: cho vay, chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh ngân hàng, phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán trong nước;

- 12/12/21

- Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;
- Đầu tư hợp đồng tương lai Trái Phiếu Chính phủ;
- Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định Luật chứng khoán; Ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán;
- Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận)

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội và các Luật sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội và các Luật sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội và các Luật sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 của Ngân hàng Nhà nước quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, Trái Phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Thông tư số 12/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021 của Ngân hàng Nhà nước quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Nam Á;
- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

III. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

1. Mục đích phát hành

Tăng vốn cấp 2 để đáp ứng các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động của Nam A Bank theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Tăng quy mô nguồn vốn hoạt động của Nam A Bank, bổ sung nguồn vốn trung dài hạn phục vụ nhu cầu cấp tín dụng của Nam A Bank (bao gồm các khoản cho vay được giải ngân trước và sau thời điểm phát hành Trái Phiếu); bổ sung dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu tạm thời nhàn rỗi do giải ngân theo tiến độ.

2. Điều kiện, điều khoản của Trái Phiếu dự kiến phát hành

Tổ Chức Phát Hành	: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á.
Tên gọi Trái Phiếu	: Trái Phiếu Nam A Bank phát hành ra công chúng năm 2025 (Trái Phiếu).
Loại Trái Phiếu	: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm. Trái phiếu là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành.
Đồng tiền phát hành	: Việt Nam Đồng.
Mệnh giá	: 100.000 đồng/Trái Phiếu.
Giá chào bán	: Giá chào bán bằng 100% mệnh giá tương đương 100.000 (Một trăm nghìn) đồng/01 (Một) trái phiếu.
Hình thức Trái Phiếu	: Bút toán ghi sổ, hoặc dữ liệu điện tử, có phát hành Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu.
Kỳ hạn Trái Phiếu	: 07 (bảy) năm.
Số lượng đợt phát hành	: 02 (hai) đợt.
Khối lượng phát hành	: 20.000.000 Trái Phiếu (Hai mươi triệu Trái Phiếu). Trong đó: - Đợt 1: 10.000.000 Trái Phiếu (Mười triệu Trái Phiếu) - Đợt 2: 10.000.000 Trái Phiếu (Mười triệu Trái Phiếu) + số lượng Trái Phiếu chưa phân phối hết của đợt 1
Tổng mệnh giá	: 2.000.000.000.000 đồng (Hai nghìn tỷ đồng). - Đợt 1: 1.000.000.000.000 đồng (Một nghìn tỷ đồng) - Đợt 2: 1.000.000.000.000 đồng (Một nghìn tỷ đồng) + giá trị Trái Phiếu chưa phân phối hết của đợt 1
Lãi suất	: Lãi suất của Trái Phiếu cho từng Kỳ Tính Lãi được tính theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm) và được xác định tại Ngày Xác Định Lãi Suất theo công thức sau: Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên độ - Biên độ 5 năm đầu tiên: 2,8%/năm (Hai phẩy tám phần trăm/năm). - Biên độ từ năm thứ 6: 3,4%/năm (Ba phẩy bốn phần trăm/năm). Trong đó: - Lãi Suất Tham Chiếu: đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân

bằng đồng Việt Nam, trả sau áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng; công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của 04 (bốn) Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi đó. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân (nếu chữ số thập phân ở hàng thứ ba bằng hoặc lớn hơn 5 thì số được làm tròn lên; nếu chữ số thập phân thứ ba nhỏ hơn 5 thì làm tròn xuống).

- Ngân Hàng Tham Chiếu: bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng là “Ngân Hàng Tham Chiếu” và gọi chung là “Các Ngân Hàng Tham Chiếu”).
- Ngày Xác Định Lãi Suất:
 - Đối với Kỳ Xác Định Lãi Suất đầu tiên: “Ngày Xác Định Lãi Suất” là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước Ngày Phát Hành.
 - Đối với Kỳ Xác Định Lãi Suất tiếp theo: “Ngày Xác Định Lãi Suất” là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước Ngày bắt đầu của mỗi Kỳ Xác Định Lãi Suất.
- Nội dung về việc áp dụng trần lãi suất đối với Trái Phiếu sẽ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Nam A Bank năm 2025.

Kỳ Xác Định Lãi Suất : 12 (mười hai) tháng/lần.

Kỳ Tính Lãi : 12 (mười hai) tháng/lần.

Kỳ Thanh Toán Lãi : 12 (mười hai) tháng/lần.

Việc tính toán các khoản lãi được thanh toán của mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi sẽ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Nam A Bank năm 2025.

Thứ tự ưu tiên thanh toán : Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ.

Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm hoặc

không có bảo đảm khác. Các Trái Phiếu phát hành cùng đợt sẽ có thứ tự thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

Địa điểm tổ chức đợt phát hành	: Trụ sở chính, Trung tâm kinh doanh, các Chi nhánh/Phòng giao dịch của Ngân hàng TMCP Nam Á trên toàn quốc. Chi tiết các Chi nhánh/Phòng giao dịch đăng tải tại https://www.namabank.com.vn .
Phương thức phân phối	: Phát hành ra công chúng, theo phương thức trực tiếp phát hành thông qua hệ thống Trụ sở chính/Trung tâm kinh doanh, các Chi nhánh/Phòng giao dịch của Ngân hàng TMCP Nam Á trên toàn quốc.
Thời điểm phát hành	: Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng.
Thời gian phân phối Trái Phiếu	: Thời gian chào bán của từng đợt chào bán không được kéo dài quá 90 ngày. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng. - Đợt 1: Dự kiến Quý III/2025 – Quý IV/2025. - Đợt 2: Dự kiến Quý I/2026 – Quý II/2026.
Đối tượng chào bán	: Là các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài.
Đăng ký mua Trái Phiếu	: Các nội dung liên quan đến việc đăng ký mua Trái Phiếu sẽ được chi tiết tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Nam A Bank năm 2025.
Tổ Chức Tư Vấn Phát Hành Trái Phiếu	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh Địa chỉ: Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky 34A Phạm Ngọc Thạch, P. Võ Thị Sáu, Q.3, TP.Hồ Chí Minh. Điện thoại: (84-28) 7306 8686 Fax: (84-28) 3824 7436 Email: info@bmvc.com.vn
Đại lý Đăng ký Lưu ký (trong thời gian Trái Phiếu chưa được đăng ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC)):	: - Trong khoản thời gian Trái Phiếu chưa được đăng ký lưu ký tập trung tại VSDC: Trái Phiếu được đăng ký lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh: Địa chỉ: Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky 34A Phạm Ngọc Thạch, P. Võ Thị Sáu, Q.3, TP. Hồ Chí Minh. Điện thoại: (84-28) 7306 8686 Fax: (84-28) 3824 7436 Email: info@bmvc.com.vn - Sau khi kết thúc đợt phát hành và trong thời gian quy định của pháp luật, toàn bộ Trái Phiếu sẽ được đăng ký lưu ký tại VSDC và được niêm yết trên Sở Giao dịch

Chứng khoán Hà Nội (HNX).

Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu : Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh
Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky 34A Phạm Ngọc Thạch, P. Võ Thị Sáu, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (84-28) 7306 8686 Fax: (84-28) 3824 7436
Email: info@bmse.com.vn
Trách nhiệm của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Nam A Bank năm 2025.

Quyền và nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu :

- Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu:
Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được coi là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu đó về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái Phiếu. Các quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Nam A Bank năm 2025.
- Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu:
Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ nộp thuế phát sinh từ các khoản thu nhập hoặc bất kỳ khoản thanh toán nào mà Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được liên quan đến Trái Phiếu. Ngoài ra, Người Sở Hữu Trái Phiếu có các nghĩa vụ khác theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, Hợp đồng Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký, Hợp đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác. Các nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Nam A Bank năm 2025.
Trường hợp phát sinh thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu đã quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, các phát sinh thay đổi chỉ có hiệu lực sau khi có thỏa thuận bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện theo một Nghị Quyết những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định hoặc theo yêu cầu bắt buộc của pháp luật và được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Nam A Bank năm 2025.

Quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành :

- Quyền của Tổ Chức Phát Hành:
- Mua lại Trái phiếu vào Ngày Mua Lại Trước Hạn được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra

công chúng của Nam A Bank năm 2025.

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật và được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Nam A Bank năm 2025.

Nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành:

- Thanh toán đầy đủ gốc, lãi và các khoản tiền khác liên quan đến Trái Phiếu theo quy định tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Nam A Bank năm 2025.
- Thực hiện các thủ tục và công việc thuộc trách nhiệm của Tổ Chức Phát Hành để hoàn thành việc đăng ký lưu ký và niêm yết Trái phiếu theo quy định của pháp luật và Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Nam A Bank năm 2025.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Nam A Bank năm 2025.

Mua lại Trái Phiếu trước hạn	Tại bất kỳ thời điểm nào kể từ ngày tròn 02 năm sau Ngày Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại toàn bộ hoặc một phần Trái Phiếu đang lưu hành hoặc mua lại bắt buộc theo quy định chi tiết tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Nam A Bank năm 2025 mà Tổ Chức Phát Hành vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định.
------------------------------	---

Các điều khoản và điều kiện khác của Trái Phiếu	Trái Phiếu đủ điều kiện để ghi nhận vào vốn cấp 2 của Ngân hàng TMCP Nam Á theo đúng quy định của pháp luật. Và các điều khoản và điều kiện khác của Trái Phiếu được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Nam A Bank năm 2025.
---	---

IV. ĐĂNG KÝ LƯU KÝ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG

- Trước khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tập trung tại VSDC, Tổ Chức Phát Hành chỉ định Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Minh (BMSC) là Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký cho Trái Phiếu.
- Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký sẽ lập và duy trì Sổ Đăng Ký từ Ngày Phát Hành cho đến khi toàn bộ Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC và được niêm yết tại HNX.
- Khi nhận được yêu cầu chuyển nhượng trước thời điểm toàn bộ Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC và được niêm yết tại HNX, Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký sẽ thực hiện việc chuyển nhượng theo quy định chi tiết tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Nam A Bank năm 2025.
- Sau khi toàn bộ Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC và được niêm yết tại HNX, việc chuyển nhượng trái phiếu được thực hiện theo quy định của VSDC, HNX.

và các quy định liên quan khác.

V. KẾ HOẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

- Tổ chức phát hành cam kết thực hiện niêm yết Trái Phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán sau khi hoàn tất đợt chào bán ra công chúng.
- Kế hoạch niêm yết Trái Phiếu ra công chúng dự kiến sẽ được Nam A Bank thực hiện theo trình tự, thủ tục đã được pháp luật quy định, chi tiết tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Nam A Bank năm 2025.

VI. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng năm 2025, dự kiến sẽ được Nam A Bank sử dụng để tăng vốn cấp 2, đáp ứng các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động của Nam A Bank theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, tăng quy mô nguồn vốn hoạt động của Nam A Bank, bổ sung nguồn vốn trung dài hạn phục vụ nhu cầu cấp tín dụng của Nam A Bank (bao gồm các khoản cho vay được giải ngân trước và sau thời điểm phát hành Trái Phiếu) đối với các ngành nghề dự kiến được liệt kê dưới đây; bổ sung dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu tạm thời nhân rồi độ giải ngân theo tiến độ, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng và quy định nội bộ của Nam A Bank:

Sst	Tên ngành	Giá trị giải ngân (đồng)	Tiến độ sử dụng vốn dự kiến
I	Đợt 1	1.000.000.000.000	
1	Bất động sản và xây dựng	300.000.000.000	Quý III/2025 - Quý I/2026
2	Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Chế biến Nông lâm nghiệp và Thủy sản	250.000.000.000	
3	Dịch vụ ăn uống lưu trú và du lịch	250.000.000.000	
4	Ngành khác	200.000.000.000	
II	Đợt 2	1.000.000.000.000	
1	Bất động sản và xây dựng	300.000.000.000	Quý I/2026 - Quý III/2026
2	Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Chế biến Nông lâm nghiệp và Thủy sản	250.000.000.000	
3	Dịch vụ ăn uống lưu trú và du lịch	250.000.000.000	
4	Ngành khác	200.000.000.000	
Tổng cộng		2.000.000.000.000	

Nam A Bank dự kiến sẽ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu để giải ngân/cho vay đối với các ngành nghề, lĩnh vực nêu trên. Mức độ sử dụng vốn cụ thể sẽ căn cứ theo tiến độ giải ngân cụ thể của từng ngành nghề, nhằm đảm bảo hiệu quả và an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích như dự kiến, Nam A Bank sẽ xem xét giải ngân/cho vay theo thứ tự mục đích ưu tiên như sau:

- (i) Ưu tiên bổ trí vốn giải ngân/cho vay vào các ngành nghề, lĩnh vực tiềm năng được Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước khuyến khích phát triển, có quy mô và tỷ trọng vốn giải ngân lớn trong tổng danh mục nói trên, nhằm bảo đảm đáp ứng, phù hợp với mục tiêu tăng trưởng tín dụng của Nam A Bank;
- (ii) Các ngành nghề, lĩnh vực có nhu cầu vốn cấp bách đáp ứng các điều kiện giải ngân vốn của Nam A Bank và bảo đảm mục tiêu tăng trưởng tín dụng của Nam A Bank;
- (iii) Các ngành nghề, lĩnh vực khác đã đáp ứng đầy đủ hồ sơ, thủ tục cấp phép và sẵn sàng triển khai thực hiện.

Ngoài ra, trường hợp số tiền thu được sau cả 2 đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích như kế hoạch, Nam A Bank sẽ sử dụng nguồn vốn cho vay thông thường (từ nguồn huy động thông thường) để bù đắp phần thiếu hụt.

VII. KẾ HOẠCH BỔ TRÍ NGUỒN ĐỂ THANH TOÁN GỐC/LÃI TRÁI PHIẾU

Kế hoạch bổ trí nguồn thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu: Nam A Bank sử dụng nguồn thu hợp pháp từ lãi tích lũy trong hoạt động cho vay khách hàng từ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu, nguồn vốn hoạt động chung, tiền lãi từ hoạt động kinh doanh và các nguồn vốn hợp pháp khác để thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu khi đến hạn.

Chi tiết Kế hoạch trả nợ cụ thể như sau:

Nội dung	Thời gian trả nợ	Nguồn trả nợ
Kế hoạch trả lãi Trái Phiếu	vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu hàng năm và Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu	Là nguồn thu hợp pháp từ lãi tích lũy trong hoạt động cho vay khách hàng từ nguồn Trái Phiếu, nguồn vốn hoạt động chung, tiền lãi từ hoạt động kinh doanh và các nguồn vốn hợp pháp khác sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư, với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh hàng năm của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ.
Kế hoạch trả gốc Trái Phiếu	vào Ngày Mua Lại Trước Hạn Trái Phiếu hoặc Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu	Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng nguồn tiền (i) huy động vốn từ nền kinh tế; (ii) lợi nhuận kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và (iii) dòng tiền thu nợ từ các khoản giải ngân.

- ♦ Dự kiến nguồn thu dự phóng từ các khoản cho vay được dùng để thanh toán các khoản gốc và lãi đến hạn qua từng năm, cụ thể như sau

DVT: Tỷ đồng

Kỳ thu nợ dự kiến	Lãi suất đầu ra dự kiến (tối)	Dư nợ đầu kỳ dự kiến	Lãi phải thu dự kiến	Vốn gốc trả trong kỳ dự	Gốc và lãi phải thu dự kiến	Dư nợ cuối kỳ dự kiến
-------------------	-------------------------------	----------------------	----------------------	-------------------------	-----------------------------	-----------------------

	thiểu) (%/năm)			kiến		
Năm 1	8,02%	2.000	160,4	-	160,4	2.000
Năm 2	8,02%	2.000	160,4	-	160,4	2.000
Năm 3	8,02%	2.000	160,4	-	160,4	2.000
Năm 4	8,02%	2.000	160,4	-	160,4	2.000
Năm 5	8,02%	2.000	160,4	-	160,4	2.000
Năm 6	8,62%	2.000	172,4	-	172,4	2.000
Năm 7	8,62%	2.000	172,4	2.000	2.172,4	-
Tổng cộng			1.146,8	2.000	3.146,8	

(*) Giả định:

- Kỳ thu nợ dự kiến bắt đầu kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu;
- Lãi suất đầu ra dự kiến được xác định trên cơ sở ngành nghề cho vay, quy định và chính sách cho vay của Nam A Bank trong từng thời kỳ, theo nguyên tắc: Lãi suất đầu ra dự kiến = Chi phí huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu + biên độ tối thiểu 0,54%/năm. Biên độ tối thiểu để bù đắp chi phí dự trữ bắt buộc, dự trữ thanh khoản và bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- Nguồn thu trên được dự phóng từ các khoản cho vay sử dụng nguồn tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng này (không bao gồm nguồn thu từ các đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ và các hoạt động kinh doanh khác của Nam A Bank).

Căn cứ số liệu dự kiến trên, nguồn thu từ các khoản cho vay sử dụng nguồn tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng có khả năng đủ để thanh toán các khoản gốc và lãi trái phiếu đến hạn qua từng năm liên quan đến đợt chào bán này.

Trường hợp nguồn tiền thu được từ các khoản thanh toán lãi, gốc của các khoản giải ngân/cho vay dự kiến từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu chưa đủ để chi trả lãi, gốc Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng:

- Kế hoạch trả lãi Trái Phiếu: Là nguồn thu hợp pháp từ lãi tích lũy trong hoạt động cho vay khách hàng từ nguồn trái phiếu, nguồn vốn hoạt động chung, tiền lãi từ hoạt động kinh doanh và các nguồn vốn hợp pháp khác sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư, với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh hàng năm của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ.
- Kế hoạch trả gốc Trái Phiếu: Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng nguồn tiền (i) huy động vốn từ nền kinh tế; (ii) lợi nhuận kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và (iii) dòng tiền thu nợ từ các khoản giải ngân.

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG NĂM 2025

♦ **Dự kiến kế hoạch thanh toán nợ của Tổ Chức Phát Hành**

Theo kế hoạch kinh doanh của Nam A Bank, tiền thu được từ hoạt động của Nam A Bank sau khi trừ đi các chi phí vẫn đủ để thanh toán các khoản lãi và nợ gốc, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và Trái Phiếu đang dự kiến chào bán. Bảng dưới đây thể hiện kế hoạch thanh toán lãi và gốc Trái Phiếu dự kiến của Tổ Chức Phát Hành trong trường hợp không phát sinh việc mua lại Trái Phiếu trước hạn, Trái Phiếu lưu hành đến Ngày Đáo Hạn, cụ thể:

DIT: Tỷ đồng

Trái phiếu	Giá trị trái phiếu phát hành thành công	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Năm 2031	Năm 2032			Gốc và lãi phải trả dự kiến
		Dự kiến lãi Trái Phiếu Kỳ 1	Dự kiến lãi Trái Phiếu Kỳ 2	Dự kiến lãi Trái Phiếu Kỳ 3	Dự kiến lãi Trái Phiếu Kỳ 4	Dự kiến lãi Trái Phiếu Kỳ 5	Dự kiến lãi Trái Phiếu Kỳ 6	Dự kiến lãi Trái Phiếu Kỳ 7	Gốc Trái Phiếu	Dự kiến gốc, lãi Trái Phiếu	
Trái phiếu phát hành đợt 1	1.000	74,8	74,8	74,8	74,8	74,8	80,8	80,8	1.000	1.080,8	1.535,6
Tổng cộng	1.000	74,8	74,8	74,8	74,8	74,8	80,8	80,8	1.000	1.080,8	1.535,6



12/06/2025

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG NĂM 2025

Trái phiếu	Giá trị trái phiếu phát hành thành công	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Năm 2031	Năm 2032	Năm 2033			Gốc và lãi phải trả dự kiến
		Dự kiến lãi Trái Phiếu Kỳ 1	Dự kiến lãi Trái Phiếu Kỳ 2	Dự kiến lãi Trái Phiếu Kỳ 3	Dự kiến lãi Trái Phiếu Kỳ 4	Dự kiến lãi Trái Phiếu Kỳ 5	Dự kiến lãi Trái Phiếu Kỳ 6	Dự kiến lãi Trái Phiếu Kỳ 7	Gốc Trái Phiếu	Dự kiến gốc, lãi Trái Phiếu	
Trái phiếu phát hành đợt 2	1.000	74,8	74,8	74,8	74,8	74,8	80,8	80,8	1.000	1.080,8	1.535,6
Tổng cộng	1.000	74,8	74,8	74,8	74,8	74,8	80,8	80,8	1.000	1.080,8	1.535,6

(*) Giả định:

- Lãi suất phát hành được giả định giữ nguyên trong quá trình lưu hành Trái Phiếu, tham chiếu lãi suất của các Ngân Hàng Tham Chiếu, bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam;
- Giả định trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của 04 (bốn) Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi hàng năm là 4,68%/năm; lãi suất Trái Phiếu của 5 năm đầu tiên: 7,48%/năm, lãi suất Trái Phiếu từ năm thứ 6: 8,08%/năm;
- Kế hoạch thanh toán trên được dùng để thanh toán nợ gốc và lãi đối với trái phiếu trong các đợt chào bán ra công chúng này (không bao gồm việc thanh toán nợ gốc và lãi đối với các đợt phát hành riêng lẻ cũng như cái nghĩa.

VIII. CAM KẾT CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

Tổ Chức Phát Hành cam kết công bố thông tin đầy đủ theo quy định của pháp luật chuyên ngành và các quy định của pháp luật có liên quan.

IX. CÁC CAM KẾT KHÁC ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

Quy định trong Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Nam A Bank năm 2025 và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2025

NGÂN HÀNG TMCP NAM A



Chứng thực bản sao đúng với bản gốc
Số chứng thực: 11.893-05
Ngày: 11-06-2025
TUQ 18.11-2025

Võ Thị Tuyết Nga

PHÓ GIÁM ĐỐC TỔNG GIÁM ĐỐC VỤ TÀI CHÍNH CÔNG PHƯƠNG BÀN



Nguyễn Ngọc Đức

NAM A BANK

NAM A BANK – HỘI SỞ

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, P. Bến Cờ, TP. HCM

[T] 028 3929 6699 - [F] 028 3929 6688

[Hotline] 1900 6679 - [W] www.namabank.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 49/2025/QĐ-NHNA-P.07

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Điều chỉnh tiền độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025 của Ngân hàng TMCP Nam Á

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG TMCP NAM Á

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội và các Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Nam Á;
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 729/2025/NQQT-NHNA ngày 05/06/2025 thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025 của Ngân hàng TMCP Nam Á và niêm yết trái phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Căn cứ Tình hình đăng ký chào bán thực tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quyết định điều chỉnh tiền độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025 của Ngân hàng TMCP Nam Á như sau:

Nội dung đã thông qua:

Stt	Tên ngành	Giá trị giải ngân (đồng)	Tiền độ sử dụng vốn dự kiến
1	Đợt 1	1.000.000.000.000	
1	Bất động sản và xây dựng	300.000.000.000	Quý III/2025 - Quý I/2026
2	Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Chế biến Nông lâm nghiệp và Thủy sản	250.000.000.000	
3	Dịch vụ ăn uống lưu trú và du lịch	250.000.000.000	

Stt	Tên ngành	Giá trị giải ngân (đồng)	Tiền độ sử dụng vốn dự kiến
4	Ngành khác	200.000.000.000	
II	Đợt 2	1.000.000.000.000	
1	Bất động sản và xây dựng	300.000.000.000	Quý I/2026 - Quý III/2026
2	Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Chế biến Nông lâm nghiệp và Thủy sản	250.000.000.000	
3	Dịch vụ ăn uống lưu trú và du lịch	250.000.000.000	
4	Ngành khác	200.000.000.000	
Tổng cộng		2.000.000.000.000	

Nội dung điều chỉnh:

TT	Tên ngành	Giá trị giải ngân (đồng)	Tiền độ sử dụng vốn dự kiến
I	Đợt 1	1.000.000.000.000	
1	Bất động sản và xây dựng	300.000.000.000	Quý IV/2025 – Quý II/2026
2	Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Chế biến Nông lâm nghiệp và Thủy sản	250.000.000.000	
3	Dịch vụ ăn uống lưu trú và du lịch	250.000.000.000	
4	Ngành khác	200.000.000.000	
II	Đợt 2	1.000.000.000.000	
1	Bất động sản và xây dựng	300.000.000.000	Quý I/2026 – Quý IV/2026
2	Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Chế biến Nông lâm nghiệp và Thủy sản	250.000.000.000	
3	Dịch vụ ăn uống lưu trú và du lịch	250.000.000.000	
4	Ngành khác	200.000.000.000	
Tổng cộng		2.000.000.000.000	

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ~~4/11~~ /11/2025.

Điều 3. Các Ông (Bà) Phó Tổng Giám đốc, Ban Giám đốc Khối, Ban Giám đốc Khu vực, Trưởng Phòng (Ban)/Văn phòng/Trung tâm/Chi nhánh/Phòng Giao dịch/Văn phòng Đại diện/Văn phòng Khu vực và các Cán bộ nhân viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT, Ban Kiểm soát (báo cáo);
- Tổng Giám đốc;
- Lưu: P.KDV, P.HCQT.

NGÂN HÀNG TMCP NAM Á

QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Khải Hoàn



NAM A BANK

NAM A BANK – HỘI SỞ

201- 203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM

[T] 028 3929 6699 - [F] 028 3929 6688

[Hotline] 1900 6679 - [W] www.namabank.com.vn

Số: 1104 /2025/CV-NHNA-21

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2025

CAM KẾT THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐÓI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

I. BÊN CAM KẾT

Tổ chức phát hành

- Tên tổ chức đăng ký chào bán: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á**
- Địa chỉ trụ sở chính: 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, P.4, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84-28) 3929 6699 Fax: (84-28) 3929 6688
- Website: <https://www.namabank.com.vn>
- Vốn điều lệ: 13.725.505.530.000 đồng (Bằng chữ: Mười ba nghìn bảy trăm hai mươi lăm tỷ năm trăm lẻ năm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).
- Mã cổ phiếu: NAB
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
Số hiệu tài khoản: 119946 - Code Citad: 79306001
Chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Nam Á
- Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh:
 - o Giấy phép thành lập và hoạt động số 18/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 13/04/2023; Quyết định số 1951/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Nam Á do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 29/04/2025.
 - o Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300872315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 01/09/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 45 ngày 03/08/2023.

II. NỘI DUNG CAM KẾT

Ngân hàng TMCP Nam Á ("Tổ chức phát hành") dự kiến phát hành ra công chứng trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, thoả mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ chức phát hành theo quy định, với tổng mệnh giá phát hành là 2.000.000.000.000 (Hai nghìn tỷ) đồng ("Trái phiếu"). Các điều kiện và điều khoản của Trái phiếu được quy định cụ thể tại Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chứng năm 2025 của Tổ chức phát hành.

Bằng văn bản này, Tổ chức phát hành cam kết với Nhà Đầu Tư sẽ tuân thủ và thực hiện

1

đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ chức phát hành theo đúng quy định của pháp luật về Chứng khoán và pháp luật liên quan khác.

1. Cam kết về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư

- Có mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 30 tỷ đồng trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán;
- Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm;
- Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Hội đồng quản trị thông qua;
- Có cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư và các điều kiện khác;
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng;
- Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Có tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán, phù hợp với quy định của pháp luật;
- Đáp ứng quy định của Chính phủ về đại diện người sở hữu trái phiếu, hệ số nợ, giá trị phát hành trên vốn chủ sở hữu và xếp hạng tín nhiệm.

2. Cam kết về việc niêm yết Trái phiếu

- Tổ chức phát hành có văn bản cam kết của Hội đồng quản trị về việc triển khai niêm yết Trái phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán sau khi hoàn tất đợt chào bán ra công chúng;
- Cam kết hoàn thiện hồ sơ niêm yết trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật liên quan;
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ niêm yết Trái phiếu theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các cam kết khác liên quan đến đợt chào bán

Ngoài các cam kết trên, Tổ chức phát hành cam kết thực hiện các nghĩa vụ khác như sau:

- Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán Trái phiếu ra công chúng theo đúng mục đích và phương án đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết số .../2025/NQQT-NHNA ngày ... / ... /2025, tại Bản cáo bạch và tại các tài liệu, hồ sơ chào bán khác;
- Tuân thủ nghĩa vụ về Công bố thông tin của Tổ chức phát hành Trái phiếu ra công

chúng theo đúng quy định pháp luật;

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ và các điều kiện khác theo nội dung quy định tại Bản cáo bạch.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu: P.HCQT, P.KDV.

NGÂN HÀNG TMCP NAM Á



Chứng thư bản sao đúng với bản chính

Số chứng thư: 11.889.05 SCTBS

Võ Hoàng Hải

Ngày: 18-11-2025

T. Q. CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ, PHÒNG CÔNG PHÒNG SẢN CỨ



Nguyễn Ngọc Đức



HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

Số: 077.6./2025/BMSC-NAB/DDNSHTP

giữa

NGÂN HÀNG TMCP NAM Á

Với tư cách “Tổ Chức Phát Hành”

và

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Với tư cách là “Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu”

Ngày 05 tháng 06 năm 2025

MỤC LỤC

1.	ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI.....	4
2.	CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU	5
3.	NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU ...	6
4.	TRÁI PHIẾU	8
5.	CAM ĐOAN VÀ ĐẢM BẢO.....	9
6.	CAM KẾT	11
7.	PHÍ VÀ CHI PHÍ	13
8.	TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU	13
9.	THAY THẾ ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU	14
10.	HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT.....	16
11.	CÁC QUY ĐỊNH KHÁC	16

HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU NÀY (sau đây gọi là "**Hợp đồng**") được lập vào ngày 17 tháng 03 năm 2025 giữa:

1. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á

Giấy CNĐKDN : 0300872315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 01/09/1992, và các lần đăng ký thay đổi sau

Địa chỉ : 201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-28) 3929 6699 Fax: (84-28) 3929 6688

Mã số thuế : 0300872315

Tài khoản số : 119946 (Code Citad: 79306001)

Tại Ngân hàng : Tại Sở Giao Dịch Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam

Đại diện : Ông **Võ Hoàng Hải**

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

Văn bản ủy quyền : Số 202/2025/QĐ-NHNA-01 ngày 24/03/2025 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á

(Sau đây gọi là "**Tổ Chức Phát Hành**" hoặc "**Bên A**")

Và

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

GPTL & HD : Số 0102727651 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 21/04/2008, và các lần đăng ký thay đổi sau

Địa chỉ : Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84.28) 7306 8686

Fax : (84.28) 3824 7436

Mã số thuế : 0102727651

Tài khoản số : 1190171797 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN. Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Đại diện : Ông **Phan Tấn Thư**

Chức vụ : Tổng Giám đốc

(Sau đây gọi tắt là "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**" hoặc "**Bên B**" hoặc "**BMSC**")

CƠ SỞ KÝ KẾT:

(A) Tổ Chức Phát Hành có kế hoạch chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo theo phương thức chào bán ra công chúng, có kỳ hạn 07 (bảy) năm với

tổng giá trị chào bán theo mệnh giá trong 02 (hai) đợt là 2.000.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai nghìn tỷ đồng);

- (B) Tổ Chức Phát Hành đồng ý chỉ định BMSC làm tổ chức đại diện của những Người Sở Hữu Trái Phiếu (được định nghĩa dưới đây) theo các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này; và
- (C) BMSC đồng ý thực hiện nhiệm vụ là tổ chức đại diện cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này.

CÁC BÊN THỎA THUẬN NHƯ SAU:

1. ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

1.1. Định Nghĩa

Trong Hợp đồng này (kể cả phần Cơ Sở Kỹ Kết trên đây), các từ ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

- (a) “**Bản Cáo Bạch**” có nghĩa là bản cáo bạch được Tổ Chức Phát Hành ký ban hành để chào bán và phát hành trái phiếu ra công chúng, bao gồm cả các quy định về Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu;
- (b) “**Các Điều Kiện Trái Phiếu**” có nghĩa là Các Điều khoản và Điều kiện của Trái Phiếu được nêu tại Bản Cáo Bạch;
- (c) “**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định trong Điều 2.1 và cũng là “Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu” được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu;
- (d) “**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm**” có nghĩa như được quy định trong Điều 9.1(a);
- (e) “**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế**” có nghĩa như được quy định trong Điều 9.1(a);
- (f) “**Hợp đồng**” có nghĩa là Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu này, cùng với các Phụ Lục đính kèm;
- (g) “**Ngày Phát Hành**” được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch;
- (h) “**Quyết Định/Nghị Quyết Của Người Sở Hữu Trái Phiếu**” là quyết định/nghị quyết được thông qua bởi những Người Sở Hữu Trái Phiếu với tỷ lệ được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch;
- (i) “**Người Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu;
- (j) “**Tổ Chức Phát Hành**” có nghĩa như được quy định trong phần giới thiệu các bên trên đây;
- (k) “**Trái Phiếu**” có nghĩa là Trái Phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, là nợ thứ cấp, với tổng mệnh giá 2.000.000.000.000 VND (Hai nghìn tỷ đồng) cho 02 (hai) đợt phát hành được Tổ Chức Phát Hành phát hành ra công chúng trên cơ sở Bản Công Bạch và các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (l) “**Đại lý Đăng Ký Trái Phiếu**” hoặc “**Tổ Chức Đăng Ký Lưu Lý Trái Phiếu**” có nghĩa là Tổ Chức Đăng Ký Lưu Lý Trái Phiếu, như được quy định trong khoản 1.2, Điều 1, Các Điều Kiện Trái Phiếu;

(m) “**Văn Kiện Trái Phiếu**” có nghĩa là bất kỳ văn kiện nào sau đây:

- (i) Bản Cáo Bạch;
 - (ii) Hợp đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu; Hợp đồng tư vấn phát hành trái phiếu ra công chúng;
 - (iii) Bất kỳ văn kiện, Hợp đồng hay thỏa thuận nào khác được ký kết hoặc ban hành sau Ngày Phát Hành có quy định và/hoặc liên quan về quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu/Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với các Trái Phiếu và được các Bên liên quan công nhận (và được những Người Sở Hữu Trái Phiếu/Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) là một Văn Kiện Trái Phiếu vì mục đích của Hợp đồng này; và
 - (iv) Bất kỳ văn kiện hay thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của bất kỳ văn kiện, Hợp đồng hay thỏa thuận nào nêu trong các Mục từ (i) đến (iii) trên đây.
- (n) “**VND**” hay “**Đồng**” có nghĩa là tiền tệ hợp pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- (o) “**VSDC**” có nghĩa là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

1.2. Nguyên Tắc Diễn Giải

Trừ khi văn cảnh yêu cầu cách diễn giải khác, trong Hợp đồng này:

- (a) Dẫn chiếu đến một Bên (hoặc các Bên) có nghĩa là dẫn chiếu đến Bên (hoặc các Bên của Hợp đồng này);
- (b) Dẫn chiếu đến một tổ chức/cá nhân sẽ gồm cả tổ chức/cá nhân kế nhiệm hoặc nhận chuyển nhượng, chuyển giao cho phép của tổ chức/cá nhân đó;
- (c) Các từ “của Hợp đồng này”, “trong Hợp đồng này”, và “theo Hợp đồng này” và các từ ngữ có nghĩa tương tự khi sử dụng trong Hợp đồng này sẽ dẫn chiếu đến toàn bộ Hợp đồng này chứ không phải đến một điều khoản cụ thể nào của Hợp đồng;
- (d) Dẫn chiếu đến bất kỳ văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận nào sẽ (i) bao gồm tất cả phụ lục và các văn bản đính kèm khác của văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó, (ii) bao gồm tất cả các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận được ban hành hoặc ký kết để thay thế văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó, và (iii) có nghĩa là các văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận, hoặc các văn kiện thay thế hoặc các văn kiện tiền thân của văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó, cùng với các văn kiện sửa đổi, chỉnh lý và bổ sung tại từng thời điểm phù hợp với quy định của các văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó và có hiệu lực vào bất kỳ thời điểm nào; và
- (e) Dẫn chiếu đến “quyết định”, “yêu cầu”, “ý kiến”, “chỉ thị” hay “chấp thuận” của những Người Sở Hữu Trái Phiếu là đến quyết định, yêu cầu, ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của những Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua một cách hợp lệ dưới hình thức Quyết Định/Nghị Quyết tại một hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp đồng này.

2. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

- 2.1. Bằng Hợp đồng này, Tổ Chức Phát Hành chỉ định BMSC làm tổ chức đại diện cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu và bảo đảm việc Tổ Chức Phát Hành tuân thủ các cam kết, thỏa thuận và nghĩa vụ của mình đối với Trái Phiếu theo quy định của Hợp đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác (sau đây gọi là “Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu”) và BMSC đồng ý việc chỉ định này.
- 2.2. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng hoặc chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo các cách khác nhau (sau thời điểm hoàn tất phát hành Trái Phiếu), công nhận và đồng ý không hủy ngang (i) việc chỉ định BMSC làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu quy định tại Điều 2.1 trên và (ii) các điều khoản và điều kiện khác của Hợp đồng này.
- 2.3. Khi Hợp đồng này vẫn còn hiệu lực, sẽ chỉ có duy nhất một Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ định theo Hợp đồng này. Việc chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Hợp đồng này sẽ có hiệu lực cho đến khi không còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành.
- 2.4. Nếu:
- (a) Theo pháp luật Việt Nam (đang có hiệu lực hoặc sẽ có hiệu lực trong tương lai) hoặc theo phán quyết, quyết định của bất kỳ tòa án hay cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nào mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không được phép hoặc không thể thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ hoặc quyền, lợi ích bất kỳ nào đó của mình được trao theo bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào; hoặc
 - (b) Xảy ra sự kiện thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Hợp đồng này và/hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác nhưng việc thay thế chưa hoàn tất.
- thì (các) nhiệm vụ của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và quyền, lợi ích của Người Sở Hữu Trái Phiếu được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực thi theo Hợp đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác có thể được thực hiện trực tiếp bởi Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức/cá nhân khác được những Người Sở Hữu Trái Phiếu ủy quyền (theo quyết định được thông qua hợp lệ của những Người Sở Hữu Trái Phiếu).
- 2.5. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể bị thay thế theo quy định tại Điều 9 của Hợp đồng này.

3. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

3.1. Nghĩa Vụ

Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có các nghĩa vụ sau:

- (a) Thay mặt Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện đầy đủ và đúng hạn các quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (b) Không được thực hiện bất kỳ hành vi nào cho mình hoặc cho bất kỳ người thứ ba nào nếu hành vi này trực tiếp hoặc gián tiếp xung đột với quyền và lợi ích của Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- (c) Đặt quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu lên trên lợi ích của mình khi có nguy cơ, hoặc khi xảy ra, xung đột quyền lợi;
- (d) Thực hiện mọi hành vi và công việc với mục đích tối thượng là bảo vệ quyền lợi của Người Sở Hữu Trái phiếu;

- (e) Ký kết và thực hiện Hợp đồng này và bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu là một bên nhân danh và/hoặc vì lợi ích của những Người Sở Hữu Trái phiếu;
- (f) Giám sát việc tuân thủ và/hoặc xử lý đối với các cam kết, nghĩa vụ, trách nhiệm và nhiệm vụ của Tổ Chức Phát Hành quy định trong các Văn Kiện Trái Phiếu; thông báo ngay cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu khi có bằng chứng rõ ràng về việc Tổ Chức Phát Hành vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ, trách nhiệm, nhiệm vụ nào theo bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào;
- (g) Triệu tập và tổ chức hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu khi có yêu cầu hợp lệ của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Phát Hành trong phạm vi các yêu cầu đó được đưa ra phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu; ký các Quyết Định/Nghị Quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao;
- (h) Làm trung gian liên lạc giữa Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và các tổ chức có liên quan khác;
- (i) Nhận và nhanh chóng thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu về nội dung của mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc các thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký Trái Phiếu hoặc VSDC yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- (j) Nhận và nhanh chóng thông báo hoặc chuyển tiếp cho các bên liên quan mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào gửi cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký Trái Phiếu thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (k) Thông báo và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc VSDC thực hiện các Quyết định/Nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi các Quyết định/Nghị quyết đó được đưa ra là phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (l) Hỗ trợ Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các thủ tục cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (m) Phối hợp với Tổ Chức Phát Hành hỗ trợ, hướng dẫn Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các thủ tục lưu ký tập trung tại VSDC theo quy định của pháp luật và các quy chế của VSDC;
- (n) Các nghĩa vụ khác theo quy định của (các) Văn Kiện Trái Phiếu.

Đại diện người sở hữu trái phiếu được thay đổi khi Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% tổng số Trái Phiếu cùng loại cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận. Trường hợp thay đổi các điều khoản và điều kiện khác tại Hợp đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, việc thay đổi phải đồng thời được cấp có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành thông qua.

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng việc đăng ký mua và trở thành chủ sở hữu Trái Phiếu được coi là đã chấp thuận việc chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành và đồng ý ủy quyền cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu làm đại diện cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu để ký kết Hợp đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong Hợp đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và theo các quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu.

3.2. Quyền Hạn

- (a) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện mọi quyền hạn, thẩm quyền và hưởng các lợi ích trao cho mình trong các Văn Kiện Trái Phiếu và pháp luật có liên quan, kể cả những quyền hạn sau:
 - (i) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được đưa ra quyết định về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu; đối với các vấn đề mà các Văn Kiện Trái Phiếu quy định phải xin ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của những Người Sở Hữu Trái Phiếu thì Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được đưa ra quyết định phù hợp với ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của những Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi đã xin ý kiến của những Người Sở Hữu Trái Phiếu;
 - (ii) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng chi phí do Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thu xếp, có thể thuê các tổ chức tư vấn (luật, tài chính, kiểm toán hoặc khác) có uy tín và kinh nghiệm liên quan đến việc thực hiện các công việc hay nhiệm vụ của mình quy định trong các Văn Kiện Trái Phiếu và được dựa vào các tư vấn đó để quyết định việc thực hiện hay không thực hiện công việc và nhiệm vụ của mình;
- (b) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không bị hạn chế thực hiện vai trò đại diện (hay tương tự) cho người sở hữu bất kỳ chứng khoán nào không phải Trái Phiếu trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
- (c) Trong quá trình thực hiện các quyền quy định tại Điều 3.2 này, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được quyền xác lập và ký các văn bản có liên quan đến Trái Phiếu hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu trên cơ sở đảm bảo tính khách quan và vì lợi ích của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

4. TRÁI PHIẾU

4.1 Mệnh Giá Giá Trị Phát Hành

Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 VND/Trái Phiếu (Bằng chữ: Một trăm nghìn đồng/Một Trái Phiếu).

Tổng mệnh giá Trái Phiếu phát hành: 2.000.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai nghìn tỷ đồng), trong đó:

- Dợt 1: 1.000.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một nghìn tỷ đồng).
- Dợt 2: 1.000.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một nghìn tỷ đồng).

Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán: 20.000.000 Trái Phiếu (Bằng chữ: Hai mươi triệu Trái Phiếu) trong đó:

- Dợt 1: 10.000.000 Trái Phiếu (Bằng chữ: Mười triệu Trái Phiếu).

- Đợt 2: 10.000.000 Trái Phiếu (*Bảng chữ: Mười triệu Trái Phiếu*).

Trường hợp chưa chào bán hết số lượng Trái Phiếu dự kiến phát hành trong Đợt 1 thì số lượng Trái Phiếu chưa chào bán hết trong Đợt 1 sẽ được chuyển sang Đợt 2 tương ứng theo từng kỳ hạn Trái Phiếu. Để làm rõ, số lượng Trái Phiếu chào bán trong Đợt 2 bao gồm số lượng Trái Phiếu dự kiến chào bán Đợt 2 ban đầu (nếu trên) và số lượng Trái Phiếu không chào bán hết trong Đợt 1 chuyển sang tương ứng theo từng kỳ hạn Trái Phiếu (nếu có).

4.2 Các Điều Kiện Trái Phiếu

- Trái Phiếu được điều chỉnh bởi Các Điều Kiện Trái Phiếu và các quy định có liên quan của Hợp đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.
- Các Điều Kiện Trái Phiếu, cùng với các quy định có liên quan của Hợp đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác (nếu có), chứa đựng toàn bộ các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu và xác lập quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu.

4.3 Tính Chất Trái Phiếu

- Trái Phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm.
- Trái Phiếu là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành. Trong trường hợp thanh lý Tổ Chức Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả chủ nợ khác.
- Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền lãi khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ.

4.4 Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành hoặc bên được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền có trách nhiệm cấp Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu;

4.5 Giao Dịch Trái Phiếu

Mọi giao dịch đối với Trái Phiếu (kể cả chuyển nhượng) sẽ theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu.

4.6 Quyết Định Của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trình tự và thủ tục tổ chức hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu và lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu tại Bản Cáo Bạch.

5. CAM ĐOAN VÀ ĐẢM BẢO

Tổ Chức Phát Hành cam đoan và bảo đảm với Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và những Người Sở Hữu Trái Phiếu rằng các tuyên bố và khẳng định dưới đây là chính xác và không gây nhầm lẫn.

5.1 Tư Cách Pháp Nhân

Tổ Chức Phát Hành (i) là một công ty cổ phần được thành lập hợp lệ và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam và (ii) có đầy đủ quyền hạn và thẩm quyền để sở hữu tài sản của mình và thực hiện các hoạt động kinh doanh hiện tại đang được Tổ Chức Phát Hành tiến hành.

5.2 Giấy Phép

Tổ Chức Phát Hành đã được cấp mọi giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận phải có theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam để Tổ Chức Phát Hành tiến hành hoạt động kinh doanh của mình. Tổ Chức Phát Hành đã tuân thủ các giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận đó về mọi khía cạnh trọng yếu. Các giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận đó đều còn đầy đủ hiệu lực và Tổ Chức Phát Hành chưa nhận được bất kỳ thông báo nào về việc thu hồi hay sửa đổi bất kỳ giấy phép, đăng ký, phê chuẩn hay chấp thuận nào như vậy.

5.3 Thẩm Quyền

Tổ Chức Phát Hành có đầy đủ quyền, quyền hạn, thẩm quyền và đã thực hiện các thủ tục và đạt được các chấp thuận nội bộ cần thiết phù hợp với Điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành để:

- (a) Phát hành và chào bán Trái Phiếu; và
- (b) Ký kết và chuyển giao các Văn Kiện Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành là một bên và thực hiện các nghĩa vụ, cam kết và thỏa thuận của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu đó.

5.4 Tính Hợp Pháp, Hiệu Lực và Khả Năng Thi Hành

Khi được phát hành và ký kết hợp lệ, Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành là một bên xác lập các nghĩa vụ hợp pháp, có hiệu lực, có giá trị ràng buộc và có thể thi hành đối với Tổ Chức Phát Hành theo quy định của các Văn Kiện Trái Phiếu đó, trừ trường hợp việc thi hành các nghĩa vụ đó có thể bị hạn chế bởi các quy định của pháp luật về phá sản, tái cơ cấu hoặc về các vấn đề tương tự mà liên quan tới hoặc ảnh hưởng đến việc thi hành các quyền của chủ nợ nói chung.

5.5 Không Mâu Thuẫn

Việc Tổ Chức Phát Hành phát hành Trái Phiếu và ký kết hoặc thực hiện Hợp đồng này sẽ không (i) vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành, (ii) vi phạm pháp luật Việt Nam có liên quan, hoặc (iii) trái với hoặc dẫn đến bất kỳ vi phạm nào đối với bất kỳ hợp đồng hay thỏa thuận nào mà Tổ Chức Phát Hành là một bên.

5.6 Chấp Thuận

Tổ Chức Phát Hành đã xin được mọi chấp thuận cần thiết của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (kể cả công bố thông tin) để phát hành Trái Phiếu, ký kết và thực hiện các Văn Kiện Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành là một bên của Văn Kiện Trái Phiếu, Hợp đồng và/hoặc thỏa thuận khác.

5.7 Tuân Thủ Luật Khi Phát Hành Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành đáp ứng mọi điều kiện và yêu cầu của pháp luật Việt Nam có liên quan để phát hành và chào bán Trái Phiếu.

5.8 Tổ Tụng

Chưa có bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục trọng tài hoặc hành chính, điều tra hoặc xét xử nào đang diễn ra, chưa được giải quyết hoặc (theo hiểu biết tốt nhất và sự tin tưởng tối đa của Tổ Chức Phát Hành) có khả năng sẽ xảy ra đối với Tổ Chức Phát Hành tại bất kỳ tòa án, cơ quan xét xử, cơ quan giải quyết tranh chấp hoặc cơ quan có thẩm quyền nào khác mà có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến hoạt động kinh doanh hoặc điều kiện tài chính của Tổ Chức Phát Hành.

5.9 Báo Cáo Tài Chính

Các báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành đính kèm Bản Cáo Bạch là các báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm và/hoặc soát xét bán niên, tùy từng trường hợp áp dụng. Các báo cáo tài chính đó được lập phù hợp với pháp luật Việt Nam có liên quan, chính sách kế toán của Tổ Chức Phát Hành và các chuẩn mực của kế toán Việt Nam (trừ khi được tuyên bố khác đi) và trình bày trung thực về tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành vào các ngày của các báo cáo tài chính tương ứng và về kết quả hoạt động và những thay đổi về tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành cho các giai đoạn mà các báo cáo tài chính đó được lập theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam và các chuẩn mực kế toán Việt Nam.

5.10 Sự Kiện Vi Phạm

Chưa xảy ra bất kỳ sự kiện nào liên quan đến Tổ Chức Phát Hành mà, nếu Trái Phiếu được phát hành, có thể tạo thành một Sự Kiện Vi Phạm (được định nghĩa trong Các Điều Kiện Trái Phiếu tại Bản Cáo Bạch).

6. CAM KẾT

Tổ Chức Phát Hành cam kết với Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và những Người Sở Hữu Trái Phiếu như sau:

6.1 Công Bố Thông Tin

Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo ngay cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu/Người Sở Hữu Trái Phiếu nếu, tại bất kỳ thời điểm nào và hoặc trước Ngày Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành nhận được bất kỳ thông tin nào về bất kỳ tình huống hoặc sự kiện nào mà xảy ra tình huống hoặc sự kiện đó dẫn đến việc Bản Cáo Bạch chứa đựng thông tin không trung thực về một sự kiện quan trọng hoặc bỏ sót bất kỳ sự kiện quan trọng nào mà lẽ ra phải được trình bày trong Bản Cáo Bạch, xét trong bối cảnh các thông tin đó khi được đưa ra vào thời điểm lập Bản Cáo Bạch thì không có sai sót hoặc, nếu vì bất kỳ lý do nào khác mà Tổ Chức Phát Hành cần phải sửa đổi hoặc bổ sung Bản Cáo Bạch.

6.2 Thông Báo Các Thay Đổi

Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo ngay cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu/Người Sở Hữu Trái Phiếu về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào đã hoặc có thể đã, hoặc sẽ hoặc có thể sẽ, là không trung thực hoặc không chính xác liên quan đến bất kỳ cam đoan và bảo đảm nào của Tổ Chức Phát Hành trong Hợp đồng này ngay sau khi Tổ Chức Phát Hành biết được vấn đề đó và phải tiến hành ngay các bước có thể được yêu cầu một cách hợp lý để khắc phục sự việc đó.

6.3 Tuân Thủ Nghĩa Vụ

Tổ Chức Phát Hành cũng cam kết tuân thủ bất kỳ trách nhiệm hay nghĩa vụ nào khác của mình theo hoặc liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của Hợp đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

6.4 Giấy Phép Và Chấp Thuận

Tổ Chức Phát Hành sẽ xin, gia hạn, duy trì hiệu lực và tuân thủ mọi giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận cần thiết và trọng yếu đối với hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành cũng như cho việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu.

6.5 Sử Dụng Tiền Thu Được

- (a) Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu phù hợp với mục đích đã được công bố tại Bản Cáo Bạch.
- (b) Tổ Chức Phát Hành sẽ tạo điều kiện để Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu/Người Sở Hữu Trái Phiếu kiểm tra một cách hợp lý việc sử dụng tiền thu được từ phát hành Trái Phiếu và thực hiện các nghĩa vụ theo Trái Phiếu.

6.6 Cung Cấp Thông Tin

Tổ Chức Phát Hành phải cung cấp cho Đại Diện Sở Hữu Trái Phiếu (để Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chuyển cho Người Sở Hữu Trái Phiếu nếu có yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu):

- (a) Các báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của Tổ Chức Phát Hành được lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính (trừ khi các báo cáo này đã được công bố công khai);
- (b) Các báo cáo tài chính bán niên của Tổ Chức Phát Hành được lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo (trừ khi các báo cáo này đã được công bố công khai);
- (c) Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu kèm các chứng từ thanh toán (nếu có);
- (d) Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện.
- (e) Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu (nếu có);
- (f) Thông tin về bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào (quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu) ngay khi Tổ Chức Phát Hành biết được thông tin đó.

6.7 Cam Kết Tài Chính

Tổ Chức Phát Hành phải thực hiện các cam kết về tài chính theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

6.8 Các Cam Kết Khác

- (a) Tổ Chức Phát Hành sẽ tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;
- (b) Tổ Chức Phát Hành sẽ duy trì việc đăng ký, lưu ký Trái Phiếu trong suốt kỳ hạn của Trái Phiếu cho đến khi các Trái Phiếu được mua lại toàn bộ theo Các Điều Kiện Trái Phiếu hoặc mọi nghĩa vụ thanh toán theo Trái Phiếu đã được thực hiện đầy đủ;

- (c) Tổ Chức Phát Hành sẽ hợp tác và hỗ trợ Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu tối đa để cho phép Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các nhiệm vụ, công việc của mình theo các Văn Kiện Trái Phiếu.

7. PHÍ VÀ CHI PHÍ

- 7.1. Phí dịch vụ cho việc cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành dịch vụ Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhận được là **120.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu đồng) (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) đối với mỗi năm của kỳ hạn Trái Phiếu và được tính cho cho mỗi đợt phát hành. Trường hợp toàn bộ Trái Phiếu được mua lại trước hạn, thời gian được tính làm tròn là 01 (một) năm.
- 7.2. Tổ Chức Phát Hành thanh toán Phí dịch vụ (bao gồm thuế giá trị gia tăng) đợt đầu tiên cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 15 (Mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Đối với các đợt thanh toán tiếp theo, Tổ Chức Phát Hành thanh toán Phí Dịch Vụ (bao gồm thuế giá trị gia tăng) cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày Trái Phiếu tròn năm kể từ Ngày Phát Hành, hoặc trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày toàn bộ Trái Phiếu được mua lại trước hạn. Tổ Chức Phát Hành thanh toán khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 7.5 Điều này.
- 7.3. Phí dịch vụ đã thanh toán cho từng giai đoạn của Hợp Đồng không hoàn trả nếu quá trình cung cấp Dịch Vụ bị gián đoạn hoặc dừng lại do lỗi của Tổ Chức Phát Hành.
- 7.4. Đồng tiền sử dụng trong thanh toán là tiền Đồng Việt Nam (VND). Tổ Chức Phát Hành thanh toán Phí dịch vụ cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng hình thức chuyển khoản theo thông tin sau:
- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh
 - Tài khoản số: 1190171797
 - Mở tại: BIDV - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Thành phố Hồ Chí Minh
- 7.5. Các hóa đơn của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được phát hành cho Tổ Chức Phát Hành sau khi Các Bên ký Biên bản thanh lý/Biên bản nghiệm thu Hợp đồng. Biên bản thanh lý/Biên bản nghiệm thu Hợp đồng và hóa đơn sẽ mô tả cụ thể các công việc mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện.

8. TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Tổ Chức Phát Hành hay bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào trừ trường hợp Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các công việc trái với nhiệm vụ của mình được quy định tại Hợp đồng này và Văn Kiện Trái Phiếu và/hoặc theo quy định pháp luật, khi đó Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bồi thường và bồi hoàn mọi tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm, phạt vi phạm, chi phí và phí tổn (trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp chứng minh) mà Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu phải gánh chịu trên thực tế và trực tiếp phát sinh từ hành vi thực hiện các công việc trái với quy định tại Hợp đồng này của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu. Ngoài ra, Tổ Chức Phát Hành và mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu công nhận và đồng ý rằng:

- (a) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không có bất kỳ trách nhiệm, nghĩa vụ hay nhiệm vụ thuộc bất kỳ loại nào ngoài các công việc và nhiệm vụ được quy định rõ ràng trong các Văn Kiện Trái Phiếu và/hoặc theo quy định pháp luật;
- (b) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không phải thực hiện bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà trái với hoặc, theo đánh giá có cơ sở hợp lý của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu là có thể trái với bất kỳ quy định nào của pháp luật, quyết định, phán quyết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hay quy chế của VSDC hoặc bất kỳ Sở Giao dịch Chứng khoán nào;
- (c) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ phải thông báo về việc xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm khi biết rõ ràng về việc xảy ra Sự Kiện Vi Phạm đó;
- (d) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu về bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện nếu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện công việc hay nhiệm vụ đó theo đúng chỉ thị và vì lợi ích của Người Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định pháp luật.
- (e) Các nội dung tại điều khoản này chỉ có giá trị khi và chỉ khi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện cần thiết theo quy định pháp luật, quy định nội bộ và đã được cấp phép, phê duyệt đầy đủ (nếu có) từ các Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi ký kết và thực hiện Hợp đồng này.

9. THAY THẾ ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

9.1 Quy Định Chung

- (a) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đương nhiệm (sau đây gọi là "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm**") có thể bị thay thế bởi một tổ chức khác (sau đây gọi là "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế**") theo các quy định tại Điều 9 này và Các Điều Kiện Trái Phiếu;
- (b) Việc thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm sẽ có hiệu lực từ ngày Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế và Tổ Chức Phát Hành ký kết thỏa thuận tham gia về cơ bản theo mẫu quy định tại Phụ Lục I của Hợp đồng này và được phê chuẩn bởi Nghị Quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu (tối thiểu phải được số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận), trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu có thỏa thuận khác.
- (c) Việc chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế bởi Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (tùy trường hợp áp dụng) nếu phù hợp với Điều 9 này sẽ (i) phải được chấp thuận bởi Nghị Quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu và (ii) sẽ ràng buộc Tổ Chức Phát Hành, những Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Đăng Ký Trái Phiếu và các bên khác có liên quan (nếu có) trong các Văn Kiện Trái Phiếu.
- (d) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phải là tổ chức có tư cách pháp nhân, có uy tín và kinh nghiệm và đáp ứng các điều kiện cần thiết để làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của các Văn Kiện Trái Phiếu và pháp luật Việt Nam có liên quan và không phải là người có liên quan của Tổ Chức Phát Hành, bất kỳ người quản lý hoặc cổ đông sở hữu trên 5% (năm phần trăm) vốn có quyền biểu quyết của Tổ Chức Phát Hành.

- (e) Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (tùy trường hợp áp dụng) sẽ gửi thông báo cho Bên còn lại, những Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Đăng Ký Trái Phiếu (nếu áp dụng) và các bên khác có liên quan (nếu có) trong các Văn Kiện Trái Phiếu về việc chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc từ ngày hoàn thành việc chỉ định đó.
- (f) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm phải bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu, hoặc vật dụng mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có được khi thực hiện Dịch Vụ liên quan đến Trái Phiếu cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế ngay khi có thể thực hiện được trên thực tế (nhưng sau khi đã nhận đủ tất cả các khoản thanh toán đến hạn cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp đồng này).

9.2 Thay Thế Do Từ Nhiệm

- (a) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có thể từ nhiệm và ngừng thực hiện toàn bộ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình với tư cách là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu sau khi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc trước ngày dự kiến từ nhiệm.
- (b) Trong vòng 25 (hai mươi lăm) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được thông báo từ nhiệm của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ định một tổ chức làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế bằng Nghị Quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

9.3 Thay Thế Bắt Buộc

- (a) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có thể bị thay thế theo quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu nếu:
 - (i) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm vi phạm nghiêm trọng nhiệm vụ của mình như quy định trong Hợp đồng này và/hoặc Văn Kiện Trái Phiếu khác;
 - (ii) Pháp luật Việt Nam có quy định rõ ràng hoặc có kết luận hoặc quyết định đã có hiệu lực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm không được thực hiện vai trò đại diện cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu; hoặc
 - (iii) Theo đánh giá của những Người Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm không đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ chính của mình; và
- (b) Trong vòng 25 (hai mươi lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày có quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu về việc thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (tối thiểu phải được số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận), Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng Nghị Quyết Của Người Sở Hữu Trái Phiếu phải chỉ định một tổ chức làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế. Nếu việc thay thế thuộc trường hợp quy định tại đoạn (ii) trên đây của Điều 9.3(a) thì Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng Nghị Quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu, phải chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trước thời điểm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm bắt buộc phải thôi thực hiện vai trò đại diện của những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo kết luận hoặc quyết định có liên quan của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

9.4 Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm Chấm Dứt Hoạt Động

- (a) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu ngay sau khi có bất kỳ quyết định nào đã có hiệu lực về việc chấm dứt hoạt động của mình.
- (b) Ngay sau khi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm bị chấm dứt hoạt động vì bất kỳ lý do nào, Tổ Chức Phát Hành phải chỉ định một tổ chức làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế và gửi thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu về việc chỉ định trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày hoàn thành việc chỉ định.
- (c) Tổ Chức Phát Hành công nhận và cam kết rằng kể cả khi chưa có tổ chức nào được chỉ định làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm đã chấm dứt hoạt động thì Hợp đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm là một bên sẽ tiếp tục có hiệu lực và ràng buộc Tổ Chức Phát Hành như là sự kiện thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu quy định tại Điều 9.3 này chưa xảy ra.

10. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT

- 10.1 Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và bị chấm dứt khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây:
 - (a) Không có bất kỳ Trái Phiếu nào được phát hành thành công; hoặc
 - (b) Khi các Trái Phiếu được mua lại toàn bộ theo Các Điều Kiện Trái Phiếu hoặc mọi nghĩa vụ thanh toán theo Trái Phiếu đã được thực hiện đầy đủ.
- 10.2 Việc chấm dứt Hợp đồng này sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền và trách nhiệm mà mỗi bên có trước thời điểm chấm dứt. Các quy định tại các Điều 10.2, 11.4, 11.6 và 11.7 vẫn có giá trị ràng buộc các bên sau khi Hợp đồng này chấm dứt.

11. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

11.1 Chuyển Giao

Trừ trường hợp thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, không bên nào được chuyển giao, chuyển nhượng bất kỳ quyền hay nghĩa vụ nào của mình quy định trong Hợp đồng này nếu không có chấp thuận trước bằng văn bản của bên kia, ngoại trừ việc chuyển giao vì lý do tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

11.2 Chậm Thực Hiện Quyền

Việc một bên không thực hiện hay chậm trễ thực hiện bất kỳ quyền hoặc chế tài nào theo Hợp đồng này sẽ không được hiểu là từ bỏ quyền hoặc biện pháp khắc phục đó, hay việc thực hiện riêng hoặc một phần quyền hoặc biện pháp khắc phục nào đó không ngăn cản việc thực hiện tiếp các quyền, các biện pháp khắc phục khác hay các phần khác của quyền hoặc biện pháp khắc phục đó. Các quyền và biện pháp khắc phục quy định trong Hợp đồng này có thể được thực hiện cùng một lúc và không ngoại trừ bất kỳ quyền và biện pháp khắc phục nào theo quy định của pháp luật có liên quan.

11.3 Tính Chất Riêng Rẽ

Mỗi quy định trong Hợp đồng này và mỗi phần của nó là riêng rẽ và phân biệt so với các quy định

khác. Nếu có bất kỳ quy định nào của Hợp đồng này là không có giá trị, không hợp pháp hoặc không có giá trị thì hành theo luật thì giá trị, tính hợp pháp và khả năng thi hành của các quy định còn lại của Hợp đồng này sẽ không bị ảnh hưởng theo bất kỳ cách nào.

11.4 Thông Báo

Việc gửi thông báo theo Hợp đồng này sẽ theo phương thức quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu.

11.5 Sửa Đổi

Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này đều phải được lập bằng văn bản và được ký kết bởi các bên. Các bên có thể sửa đổi Hợp đồng này mà không cần chấp thuận của những Người Sở Hữu Trái Phiếu nếu (i) việc sửa đổi không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của những Người Sở Hữu Trái Phiếu dưới bất kỳ hình thức nào hoặc việc sửa đổi hoàn toàn mang tính hình thức để sửa chữa các sai sót hiển nhiên hoặc mang tính kỹ thuật, (ii) việc sửa đổi đó đã được dự kiến trong Hợp đồng này mà không yêu cầu cần phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận hoặc (iii) việc sửa đổi áp dụng đối với thứ thỏa thuận phi quy định tại Điều 7.1.

Bất kỳ sửa đổi nào khác đối với Hợp đồng này phải được những Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận trước, ngoại trừ trường hợp, trong quá trình thực hiện Hợp đồng này mà Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu có thỏa thuận sửa đổi Các Điều Khoản Trái Phiếu bằng văn bản ("Thỏa Thuận Sửa Đổi") đồng thời đã thông báo Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thì Thỏa Thuận Sửa Đổi đó và các Điều Khoản và Điều Khoản được sửa đổi của Trái Phiếu sẽ mặc nhiên có hiệu lực và Thỏa Thuận Sửa Đổi sẽ được coi là một Văn bản sửa đổi, bổ sung không tách rời của Hợp đồng này mà Hai Bên không cần ký kết lại Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng. Các Điều Khoản Trái Phiếu được đề cập đến trong Hợp đồng này nếu trái với nội dung được điều chỉnh trong Thỏa Thuận Sửa Đổi thì sẽ áp dụng theo quy định tại Thỏa Thuận Sửa Đổi.

11.6 Luật Điều Chỉnh

Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

11.7 Giải Quyết Tranh Chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, kể cả bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc tồn tại, hiệu lực hoặc việc chấm dứt của Hợp đồng này sẽ được các Bên giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp không thể giải quyết bằng thương lượng, các bên sẽ giải quyết tranh chấp phát sinh tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền ở Thành phố Hồ Chí Minh.

11.8 Số Bản

Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản gốc, có giá trị pháp lý như nhau. Tổ Chức Phát Hành giữ 02 (hai) bản gốc và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu giữ 02 (hai) bản gốc.

ĐỀ GHI NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN, Các Bên (thông qua người đại diện được ủy quyền hợp lệ của mình) đã ký kết Hợp đồng này vào ngày được nêu ở trang đầu tiên của Hợp đồng này.

Tổ Chức Phát Hành

Ngân hàng TMCP Nam Á



Chữ ký:

Họ và tên: Ông Võ Hoàng Hải

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Số chứng thư: 888-05 quyền số: SCTTBS

Ngày: 16 tháng 11 năm 2025



Nguyễn Ngọc Đức

Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Minh



Chữ ký:

Họ tên: Ông Phan Tấn Thư

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

PHỤ LỤC I

MẪU THỎA THUẬN THAM GIA

THỎA THUẬN THAM GIA NÀY ("Thỏa Thuận Tham Gia") được lập vào ngày [●] tháng [●] năm [●] bởi và giữa:

- (1) **[Diễn tên chính thức của Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]** ("Tổ Chức Phát Hành")

Mã số doanh nghiệp (hoặc tương đương) : [Diễn mã số doanh nghiệp hoặc tương đương của Tổ Chức Phát Hành xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]

Địa chỉ đăng ký : [Diễn địa chỉ đăng ký chính thức của Tổ Chức Phát Hành xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]

và

- (2) **[Diễn tên chính thức của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]** ("Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế")

Mã số doanh nghiệp (hoặc tương đương) : [Diễn mã số doanh nghiệp hoặc tương đương của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]

Địa chỉ đăng ký : [Diễn địa chỉ đăng ký chính thức của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]

CƠ SỞ KẾT LẬP THỎA THUẬN

- (A) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế đã nghiên cứu Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được ký ngày [●] tháng [●] năm 2024 giữa Tổ Chức Phát Hành và Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh với tư cách là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu, như có thể được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại từng thời điểm ("**Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**") và đồng ý thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện các công việc, nhiệm vụ và hưởng các quyền và lợi ích của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu như được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu; và
- (B) Theo quy định tại Điều 9.1(c) của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phải ký kết Thỏa Thuận Tham Gia này với Tổ Chức Phát Hành,

DO VẬY, NAY, các Bên thỏa thuận như sau:

1. Công Nhận Quyền Và Nghĩa Vụ

- 1.1 Bảng Thỏa Thuận Tham Gia này, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế công nhận và đồng ý với Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu rằng kể từ ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế (i) sẽ trở thành Đại Diện Người Sở Hữu Trái

Phiếu và (ii) sẽ thực hiện mọi nhiệm vụ, công việc và được hưởng mọi quyền và lợi ích của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu như được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

- 1.2 Kể từ ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này, bất kỳ dẫn chiếu nào đến Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế.

2. Thông Báo

Vì mục đích được quy định tại Điều 11.4 của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, địa chỉ và số fax của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế như sau:

[•]

Địa chỉ: [•]

Người nhận: [•]

Điện thoại: [•]

Fax: [•]

3. Các Quy Định Khác

- 3.1 Thỏa Thuận Tham Gia này là một Văn Kiện Trái Phiếu. Trừ khi được quy định rõ ràng khác đi trong Thỏa Thuận Tham Gia này, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Thỏa Thuận Tham Gia này sẽ có nghĩa như được quy định trong Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- 3.2 Các quy định tại Điều 11 của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được áp dụng với *những sửa đổi cần thiết cho phù hợp với ngữ cảnh* được quy định rõ ràng trong Thỏa Thuận Tham Gia này.
- 3.3 Thỏa Thuận Tham Gia này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 3.4 Thỏa Thuận Tham Gia này được ký thành bốn (4) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau. Tổ Chức Phát Hành giữ hai (2) bản gốc và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế giữ hai (2) bản gốc.

ĐỀ GHI NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN, các Bên, thông qua người đại diện được ủy quyền hợp lệ của mình, đã ký kết Thỏa Thuận Tham Gia này vào ngày được nêu ở trang đầu tiên của Thỏa Thuận Tham Gia.

[*Diễn tên chính thức của Tổ Chức Phát Hành*]
với tư cách là Tổ Chức Phát Hành

[*Diễn tên chính thức của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế*]
với tư cách là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế

Chữ ký: _____

Họ tên: [•]

Chức vụ: [•]

Chữ ký: _____

Họ tên: [•]

Chức vụ: [•]

NAM A BANK

ĐIỀU LỆ NAM A BANK

Tháng 8 – Năm 2025

PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á (sau đây gọi tắt là Nam A Bank) là ngân hàng thương mại được thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan vì mục tiêu lợi nhuận theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật. Tổ chức và hoạt động của Nam A Bank được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông của Nam A Bank thông qua vào ngày 29 tháng 07 năm 2024, được điều chỉnh tại Nghị quyết số 1084/2025/NQQT-NHNA ngày 08/08/2025 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á về việc sửa đổi nội dung Vốn điều lệ tại Điều lệ Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á trong đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2025 theo Quyết định số 2933/QĐ-NHNN ngày 06/08/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á.

Mục I. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Địa bàn kinh doanh” là phạm vi địa lý được ghi trong giấy phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mà tại đó Nam A Bank được thiết lập địa điểm hoạt động theo quy định của pháp luật.
 - b. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần của Nam A Bank đã bán cho cổ đông và quy định tại Điều 12 Điều lệ này.
 - c. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Nam A Bank sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
 - d. “Luật doanh nghiệp” có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế trong từng thời kỳ.
 - e. “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày mà Nam A Bank được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký quyết định cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
 - f. “Cổ đông sáng lập” có nghĩa là người tham gia vào việc thông qua Điều lệ đầu tiên của Ngân hàng.
 - g. “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.
 - h. “Luật các tổ chức tín dụng” có nghĩa là Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế trong từng thời kỳ.
 - i. “Vốn pháp định” là vốn tối thiểu theo yêu cầu của luật pháp để thành lập Ngân hàng.

j. “Cổ đông lớn” của Nam A Bank là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Nam A Bank.

k. “Người điều hành” của Nam A Bank bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định của Nam A Bank trong từng thời kỳ.

l. “NHNN” có nghĩa là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

m. “Cổ phần” là Vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau.

n. “Cổ phiếu” là chứng chỉ do Nam A Bank phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Nam A Bank. Cổ phiếu phải có nội dung chủ yếu theo quy định của Khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

o. “Cổ đông” là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Nam A Bank và đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Nam A Bank với tư cách một người nắm giữ (các) cổ phần.

p. “Sổ đăng ký cổ đông” là một tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của NHNN.

q. “Thời hạn hoạt động” có nghĩa là thời gian Nam A Bank được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Nam A Bank có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được NHNN chấp thuận.

r. “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

s. “Người quản lý” của Nam A Bank bao gồm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc.

t. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan.

u. “Công ty con” của Nam A Bank là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:

i. Nam A Bank hoặc Nam A Bank và người có liên quan của Nam A Bank sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;

ii. Nam A Bank có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;

iii. Nam A Bank có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con;

iv. Nam A Bank hoặc Nam A Bank và người có liên quan của Nam A Bank trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty đó.

v. “Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 Luật các tổ chức tín dụng.

w. “Vốn tự có” gồm giá trị thực của vốn điều lệ của Nam A Bank, cộng một số quỹ dự trữ, cộng một số tài sản nợ khác, trừ các khoản phải giảm trừ.

x. “Sở hữu gián tiếp” là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ của Nam A Bank thông qua ủy thác đầu tư hoặc thông qua doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân đó sở hữu trên 50% vốn điều lệ.

y. “Công ty liên kết” của Nam A Bank là công ty mà Nam A Bank hoặc Nam A Bank và người có liên quan của Nam A Bank sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của Nam A Bank.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Mục II. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài và thời gian hoạt động của Nam A Bank

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài và thời gian hoạt động của Nam A Bank

Nam A Bank được phép hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 0026/NH-GP ngày 22/08/1992, đã được Thống đốc NHNN cấp đổi theo Giấy phép hoạt động số 18/GP-NHNN ngày 13/4/2023; Giấy phép thành lập số 463/GP-UB ngày 01/09/1992 của Ủy Ban Nhân Dân TP. HCM; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300872315 đăng ký lần đầu ngày 01/9/1992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp (và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế theo từng thời kỳ).

1. Tên Công ty:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt : NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt : NGÂN HÀNG NAM Á
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh : NAM A COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh : NAM A BANK

2. Nam A Bank là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Nam A Bank là:

- Địa chỉ : 201-203 Cách Mạng Tháng Tám, phường 4, quận 3, TP. HCM.
- Điện thoại : (84.28) 3 929 6699
- Fax : (84.28) 3 929 6688
- Email : namabank@namabank.com.vn
- Website : www.namabank.com.vn

4. Người đại diện theo pháp luật của Nam A Bank:

a. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Nam A Bank. Trường hợp khuyết chức danh Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Nam A Bank.

b. Người đại diện theo pháp luật của Nam A Bank có toàn quyền đại diện cho Nam A Bank thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Nam A Bank, đại diện cho Nam A Bank với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

c. Người đại diện theo pháp luật của Nam A Bank phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý hoặc người điều hành của Nam A Bank đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

d. Người đại diện theo pháp luật của Nam A Bank được ủy quyền lại cho người khác thực hiện các công việc của người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Nam A Bank, nếu có.

e. Người đại diện theo pháp luật thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Nam A Bank có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng 100% vốn tại nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Nam A Bank phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN và các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

7. Bảng cân đối tài sản và các quỹ theo quy định của pháp luật.

8. Thời hạn hoạt động của Nam A Bank là 99 (chín mươi chín) năm kể từ ngày thành lập. Nam A Bank có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

Mục III. Mục tiêu của Nam A Bank

Điều 3. Mục tiêu của Nam A Bank

1. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh của Nam A Bank là tất cả các hoạt động của ngân hàng thương mại được quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động, các Quyết định bổ sung được Thống đốc NHNN cấp và các hoạt động khác phù hợp với quy định pháp luật.

2. Mục tiêu của Nam A Bank là xây dựng và phát triển một cách bền vững một ngân hàng thương mại nhằm đạt lợi nhuận, góp phần phát triển kinh tế xã hội đất nước, bảo đảm cổ tức cho cổ đông và cuộc sống của nhân viên Nam A Bank. Cụ thể như sau:

a. Phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ ngân hàng thương mại với chất lượng cao theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế để chiếm lĩnh được thị phần trong lĩnh vực tài chính ngân hàng;

b. Phát triển mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài theo đúng các thủ tục và quy định của NHNN và pháp luật;

c. Gia tăng vốn điều lệ phù hợp với quy mô phát triển hoạt động của ngân hàng trên các lĩnh vực trong từng thời kỳ;

d. Tiếp thu và cải tiến không ngừng về công nghệ, từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị, quy trình thích ứng với việc truyền tải và nắm bắt thông tin trong quản lý, giao dịch;

e. Đào tạo đội ngũ chuyên gia và nhân viên Nam A Bank tinh thông nghiệp vụ, có tư cách đạo đức, chủ động sáng tạo trong công việc, và ân cần, tập trung phục vụ khách hàng, luôn cầu tiến học tập và phát huy cái mới, cái tốt.

3. Các mục tiêu khác trong quá trình phát triển của Nam A Bank (nếu có) phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần được NHNN chấp thuận thì Nam A Bank chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi đã được NHNN có văn bản chấp thuận.

Mục IV. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Nam A Bank

Sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản hoặc theo quy định của pháp luật, Nam A Bank được thực hiện các hoạt động sau đây:

Điều 4. Hoạt động của Nam A Bank

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.

3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a. Cho vay;

b. Chiết khấu, tái chiết khấu;

c. Bảo lãnh ngân hàng;

d. Phát hành thẻ tín dụng;

e. Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;

f. Thư tín dụng;

g. Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của NHNN.

4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

5. Cung ứng dịch vụ thanh toán.

6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:

a. Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;



✓

b. Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của NHNN.

Điều 5. Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá

1. Nam A Bank được vay NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Nam A Bank được mua, bán giấy tờ có giá với NHNN theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Nam A Bank được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của NHNN.

4. Nam A Bank được vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Mở tài khoản

1. Nam A Bank phải mở tài khoản thanh toán tại NHNN và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này.

2. Nam A Bank được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

3. Nam A Bank được mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 7. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán

1. Nam A Bank được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

2. Nam A Bank được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

Điều 8. Góp vốn, mua cổ phần

1. Nam A Bank chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 8 Điều này.

2. Nam A Bank phải thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:

a. Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;

b. Cho thuê tài chính;

c. Bảo hiểm.

3. Nam A Bank được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.

4. Nam A Bank được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:

a. Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;

b. Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

5. Nam A Bank thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

6. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết và việc góp vốn, mua cổ phần của Nam A Bank; điều kiện tăng vốn tại công ty con, công ty liên kết của Nam A Bank; hoạt động của công ty con, công ty liên kết của Nam A Bank trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản thực hiện theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ.

7. Nam A Bank thành lập công ty con, công ty liên kết theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

8. Nam A Bank, công ty con của Nam A Bank được mua, nắm giữ cổ phần của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của NHNN.

Điều 9. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh

1. Nam A Bank được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản:

a. Ngoại hối;

b. Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.

2. Việc kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối của Nam A Bank cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 10. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý

1. Nam A Bank được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của NHNN.

2. Nam A Bank được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của NHNN.

Điều 11. Các hoạt động kinh doanh khác

1. Nam A Bank được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của NHNN:

a. Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

b. Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;

c. Mua, bán tín phiếu NHNN, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

- d. Dịch vụ môi giới tiền tệ;
- e. Kinh doanh vàng;
- f. Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;
- g. Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép.

2. Nam A Bank được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:

- a. Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- b. Phát hành trái phiếu;
- c. Lưu ký chứng khoán;
- d. Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;
- e. Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Nam A Bank không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

- a. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Nam A Bank;
- b. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của Nam A Bank chưa sử dụng hết;
- c. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Nam A Bank phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này. Trường hợp mua lại bất động sản phải bảo đảm mục đích sử dụng quy định tại khoản 1 Điều 139 và tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định quy định tại khoản 3 Điều 144 của Luật các tổ chức tín dụng.

4. Nam A Bank được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này theo quy định của NHNN, quy định khác của pháp luật có liên quan.

Mục V. Vốn điều lệ và vốn hoạt động

Điều 12. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Nam A Bank là 17.156.864.800.000 đồng (Mười bảy nghìn một trăm năm mươi sáu tỷ, tám trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Nam A Bank được chia thành 1.715.686.480 (Một tỷ bảy trăm mười lăm triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn, bốn trăm tám mươi) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.

Trong trường hợp Nam A Bank tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quy định tại khoản này mặc nhiên được thay đổi theo mức vốn điều lệ mới sau khi Nam A Bank hoàn tất thủ tục tăng hoặc

giảm vốn điều lệ và đăng ký tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà không cần thông qua Đại hội đồng cổ đông để sửa đổi, bổ sung khoản này.

2. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).

3. Nam A Bank phải duy trì giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định pháp luật.

4. Nam A Bank chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 111 của Luật các tổ chức tín dụng.

5. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích:

a. Mua, đầu tư vào tài sản cố định của Nam A Bank không quá tỷ lệ quy định của NHNN;

b. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của NHNN;

c. Thành lập công ty con theo quy định của pháp luật;

d. Cho vay;

e. Kinh doanh các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Thay đổi vốn điều lệ

1. Việc thay đổi vốn điều lệ của Nam A Bank (tăng hoặc giảm) được thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi vốn điều lệ theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

2. Vốn điều lệ của Nam A Bank có thể được tăng từ các nguồn sau:

a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;

b. Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ;

c. Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;

d. Vốn do chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp thêm;

e. Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của NHNN và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Sau khi thay đổi vốn điều lệ, Nam A Bank phải sửa đổi Điều lệ theo vốn điều lệ mới và gửi Điều lệ đã sửa đổi cho NHNN, đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vốn điều lệ mới, đồng thời công bố thông tin theo quy định pháp luật.

5. Hội đồng quản trị Nam A Bank tổ chức thực hiện thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để chấp thuận cho cổ đông góp vốn theo các yêu cầu quy định của NHNN và Điều lệ của Nam A Bank.

6. Mua lại cổ phần làm giảm vốn điều lệ:



a. Nam A Bank chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định.

b. Điều kiện để Nam A Bank được mua lại cổ phần:

i. Các điều kiện theo quy định tại Điều 132, Điều 133 và Điều 134 Luật doanh nghiệp;

ii. Các điều kiện quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

iii. Có đủ nguồn vốn để mua lại cổ phiếu căn cứ vào báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán. Trường hợp Nam A Bank là công ty mẹ thì Nam A Bank phải đảm bảo đủ nguồn vốn thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Nam A Bank trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán.

Điều 14. Vốn hoạt động của Nam A Bank gồm các nguồn sau:

1. Vốn chủ sở hữu:

a. Vốn điều lệ;

b. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá theo quy định của pháp luật;

c. Thặng dư vốn cổ phần;

d. Các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng tài chính;

e. Lợi nhuận chưa phân phối;

f. Vốn khác thuộc sở hữu hợp pháp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Vốn huy động:

a. Vốn huy động tiền gửi của các tổ chức và cá nhân;

b. Vốn nhận ủy thác đầu tư;

c. Vốn vay các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và ngoài nước;

d. Vốn vay NHNN;

e. Phát hành các giấy tờ có giá.

3. Vốn khác theo quy định của pháp luật.

Mục VI. Cổ phần, cổ phiếu, cổ đông, cổ đông lớn và cổ đông sáng lập

Điều 15. Cổ phần, Cổ đông

1. Mệnh giá mỗi cổ phần của Nam A Bank là 10.000 đồng (mười nghìn Việt Nam đồng).

2. Nam A Bank có ít nhất 100 cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua cổ phần của Nam A Bank theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Các loại cổ phần, cổ đông:

a. Cổ phần của ngân hàng vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông. Cổ phần phổ thông không thể chuyển thành cổ phần ưu đãi.

b. Ngân hàng có thể phát hành cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Cổ phần của Nam A Bank có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác được quy định tại Điều lệ của Nam A Bank và theo các quy định của pháp luật.

5. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Nam A Bank và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 36 Luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

6. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong sổ cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

a. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Nam A Bank;

b. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

c. Các trường hợp khác với mức chiết khấu do Hội đồng quản trị quyết định.

7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Nam A Bank, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Nam A Bank quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

8. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Nam A Bank.

9. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Nam A Bank phát hành và giao cổ phiếu cho người mua; trường hợp không giao cổ phiếu, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Nam A Bank.

10. Ngân hàng có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 16. Giới hạn sở hữu cổ phần

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu cổ phần vượt quá 05% vốn điều lệ của Nam A Bank.
2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu cổ phần vượt quá 10% vốn điều lệ của Nam A Bank.
3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% vốn điều lệ của Nam A Bank. Cổ đông lớn của Nam A Bank và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác.
4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:
 - a. Sở hữu cổ phần tại công ty con, công ty liên kết là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 111 của Luật các tổ chức tín dụng;
 - b. Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa;
 - c. Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 7 Điều 63 Luật các tổ chức tín dụng.
5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 4 của Luật các tổ chức tín dụng.

Điều 17. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Nam A Bank được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Nam A Bank và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Nam A Bank theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Nam A Bank;
 - b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Nam A Bank;
 - f. Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu;

g. Nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

3. Mỗi cổ phiếu được cấp phát không được ghi nhận nhiều loại cổ phần.

4. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Nam A Bank hoặc trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Nam A Bank, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Nam A Bank chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

Các cổ phần do thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các Cổ đông lớn sở hữu, Cổ đông sáng lập và cổ đông nước ngoài phải được đăng ký theo quy định.

5. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần đã đăng ký trong một cổ phiếu, cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ và một cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

6. Nam A Bank có thể quản lý hộ cổ phiếu cho cổ đông hoặc cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay và đề nghị Nam A Bank cấp lại cổ phiếu khác và phải trả phí theo quy định của Nam A Bank.

7. Cổ phiếu của Nam A Bank không được dùng để cầm cố tại chính Nam A Bank.

8. Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, Nam A Bank phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ số tiền cam kết mua cổ phần khi tăng vốn điều lệ.

9. Trong trường hợp cổ phiếu được đăng ký lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thì thực hiện theo các Quy chế tại từng thời kỳ của cơ quan này.

Điều 18. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Nam A Bank (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Nam A Bank.

Điều 19. Chuyển nhượng Cổ phần

1. Cổ phần của cổ đông nắm giữ cổ phiếu được coi là đã chuyển nhượng khi các thông tin quy định trong Điều 21 của Điều lệ này được ghi đầy đủ trong Sổ đăng ký cổ đông.

2. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Việc chuyển nhượng cổ phiếu được thực hiện căn cứ theo các quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán và các quy định hướng dẫn thi hành. Hình thức chuyển nhượng được xác lập bằng văn bản do Hội đồng quản trị quy định cụ thể. Văn bản chuyển nhượng được người chuyển nhượng, người nhận chuyển nhượng hay đại diện được ủy quyền hợp pháp của những người này ký. Cổ phiếu đã được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ



những thông tin tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Điều lệ này vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người nhận chuyển nhượng cổ phần được công nhận là cổ đông của Nam A Bank.

4. Trong trường hợp cổ đông chết thì việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông đó được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.

5. Nam A Bank chấp hành các quy định về niêm yết, phát hành cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của NHNN, quy định của ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Điều lệ của Nam A Bank và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

6. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại Nam A Bank là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Nam A Bank không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

7. Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:

a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

c. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

8. Trường hợp mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn của Nam A Bank thì phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

9. Nam A Bank được chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài.

Điều kiện, thủ tục, tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài tại Nam A Bank; điều kiện đối với Nam A Bank bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Mục VII. Cơ cấu tổ chức quản lý

Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Nam A Bank bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

Mục VIII. Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Sổ đăng ký cổ đông

1. Nam A Bank lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Nam A Bank. Sổ đăng ký cổ đông có các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở của Nam A Bank;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
2. Trong trường hợp cổ phiếu được đăng ký lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, việc theo dõi và quản lý cổ đông sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Quyền hạn của Cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Nam A Bank và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Nam A Bank trong phạm vi số vốn đã góp vào Nam A Bank.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b. Nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Nam A Bank theo phương án phát hành được Đại hội đồng cổ đông thông qua trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật hiện hành;
- d. Chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của Nam A Bank hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ Nam A Bank;
- e. Xem, tra cứu, trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f. Xem, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ Nam A Bank, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- g. Được chia phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại Nam A Bank khi Nam A Bank giải thể hoặc phá sản;

h. Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;

i. Yêu cầu Nam A Bank mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

j. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Nam A Bank có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Nam A Bank công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông có thêm các quyền sau:

a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Nam A Bank;

b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Nam A Bank khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Nam A Bank; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Đề cử, ứng cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 5 Điều này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Nam A Bank.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở

chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Nam A Bank, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; chữ ký của các cổ đông có liên quan hoặc văn bản yêu cầu triệu tập được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

5. Việc đề cử, ứng cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử, ứng cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử, ứng cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, ứng cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử, ứng cử.

b. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định.

c. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử, ứng cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

a. Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do Nam A Bank quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Nam A Bank trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào Nam A Bank;

b. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Nam A Bank dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Nam A Bank, trừ trường hợp quy định tại Điều 65 của Luật các tổ chức tín dụng;

c. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Nam A Bank; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Nam A Bank; không được góp vốn, mua cổ phần của Nam A Bank dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;

d. Tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của Nam A Bank;

e. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

f. Chịu trách nhiệm khi nhân danh Nam A Bank dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh, giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

g. Bảo mật thông tin được Nam A Bank cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao, gửi thông tin của Nam A Bank cho tổ chức, cá nhân khác;

h. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- ii. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- iii. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- iv. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- v. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù hợp quy định pháp luật và được Hội đồng quản trị thông qua.

Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;

- i. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- j. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho Nam A Bank thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong Nam A Bank. Nam A Bank có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

Điều 24. Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Nam A Bank. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm 01 (một) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, trừ trường hợp gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định pháp luật. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Nam A Bank có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Nam A Bank phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Nam A Bank dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Nam A Bank.

Điều 25. Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Nam A Bank;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông theo quy định tại Điểm b Khoản 3 và Khoản 4 Điều 22 Điều lệ Nam A Bank; hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Quyết định nội dung theo yêu cầu của NHNN khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Nam A Bank.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được một trong các yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các sự kiện nêu tại khoản 1 Điều này.
3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có quyền đại diện Nam A Bank triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Nam A Bank;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Nam A Bank, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Nam A Bank;
 - b. Thông qua Điều lệ Nam A Bank; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Nam A Bank;

- c. Thông qua quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- d. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ Nam A Bank;
- e. Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, trên cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 163, Điều 172 Luật Doanh nghiệp; quyết định ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- f. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Nam A Bank và cổ đông của Nam A Bank;
- g. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Nam A Bank;
- h. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
- i. Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;
- j. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- k. Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm quy định tại Điều 143 của Luật các tổ chức tín dụng;
- l. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Nam A Bank;
- m. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao;
- n. Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của Nam A Bank;
- o. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Nam A Bank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Nam A Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- p. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Nam A Bank mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Nam A Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- q. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Nam A Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Nam A Bank với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Nam A Bank; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Nam A Bank; công ty con, công ty liên kết của Nam A Bank, trừ trường hợp đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;
- r. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ngân hàng;

- s. Quyết định thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- t. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Nam A Bank.
- u. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- v. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.

3. Cổ đông không có quyền biểu quyết khi có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch tại khoản 2 Điều này hoặc theo quy định khác của pháp luật trong từng thời kỳ.

4. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết thông qua các quyết định về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 27. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của ngân hàng.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Nam A Bank phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại điểm h khoản 1 Điều 23 Điều lệ này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Nam A Bank).

3. Trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại, nếu Nam A Bank không nhận được thông báo về một trong các sự kiện dưới đây, thì việc tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều 29. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 31, 32 và 33 của Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Nam A Bank không bị thay đổi khi Nam A Bank phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 30. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và Thông báo

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định khác được quy định tại Điều lệ này. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- a. Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

c. Xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.

2. Mời họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Nam A Bank và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Nam A Bank niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Nam A Bank. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Nam A Bank; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

b. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Nam A Bank chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

4. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này trong các trường hợp sau đây:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ Nam A Bank và không phù hợp với các quy định của pháp luật;

d. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.

5. Chi Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đính kèm thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 31. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 32. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Nam A Bank phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Nam A Bank cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một Phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành theo thể lệ biểu quyết của từng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp và thành viên hỗ trợ chủ tọa.

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có quyền tiến hành các hoạt động cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp quy định tại Khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp quy định tại khoản 9 Điều này, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:



✓

tại địa điểm sau: a. Thông báo đại hội được ~~hàng loạt~~ ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm Nam A Bank tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trường hợp Nam A Bank áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Nam A Bank có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 33. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề sau đây phải được thực hiện thông qua hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua định hướng phát triển của Nam A Bank;

b. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ Nam A Bank;

c. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Nam A Bank và cổ đông của Nam A Bank;

d. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ngân hàng.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu:

a. Trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

b. Được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại

hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc trên 65% tổng số phiếu biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản) đối với các vấn đề sau:

- i. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
- ii. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Nam A Bank mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Nam A Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- iii. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ngân hàng;
- iv. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- v. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Nam A Bank.

4. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 34. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Nam A Bank ngoại trừ các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Điều lệ này. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản với điều kiện phải được sự chấp thuận của các cổ đông đáp ứng tỷ lệ theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này.

2. Để các quyết định được các cổ đông nhất trí thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng quản trị có trách nhiệm:

- a. Quyết định các vấn đề cần đưa ra xem xét lấy ý kiến của các cổ đông, cách thức và nội dung biểu quyết theo Điều lệ này và pháp luật.
- b. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Điều lệ này.

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu được quy định tại khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp.

1231
HÀNH
MAI C
AM
TỔ H

✓

c. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

3. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Nam A Bank theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Nam A Bank phải được đựng trong phong bì dán kín và được bảo mật theo quy định đến thời điểm kiểm phiếu;

b. Gửi fax, thư điện tử hoặc các hình thức điện tử khác: Phiếu lấy ý kiến gửi về Nam A Bank qua fax, thư điện tử hoặc các hình thức điện tử khác phải được bảo mật theo quy định đến thời điểm kiểm phiếu.

c. Gửi bằng các hình thức khác theo hướng dẫn của Nam A Bank.

Các phiếu lấy ý kiến Nam A Bank nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý của Nam A Bank.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các nội dung chủ yếu được quy định tại khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp.

5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như quyết định được Đại hội đồng cổ đông trực tiếp biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Nam A Bank trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Nam A Bank.

Điều 35. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 150 Luật doanh nghiệp. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Nam A Bank.

Điều 36. Báo cáo kết quả Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu (theo Biên bản kiểm phiếu) đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Nam A Bank phải gửi đến Ngân hàng Nhà nước tất cả nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 37. Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định hiện hành của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 33 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Mục IX. Điều khoản chung của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Điều 38. Quy định chung

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Nam A Bank để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động Nam A Bank nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Nam A Bank.

3. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Nam A Bank, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Nam A Bank.

4. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Nam A Bank phải thực hiện theo thủ tục, hồ sơ quy định của pháp luật và quy định của NHNN.

Điều 39. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của Nam A Bank:

- a. Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này;
- b. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
- c. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;
- d. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
- e. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Nam A Bank, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69 của Luật các tổ chức tín dụng;
- f. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

2. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty con của Nam A Bank:

- a. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
- c. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
- d. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;
- e. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Nam A Bank hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ;

f. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Nam A Bank.

3. Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Nam A Bank; và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Nam A Bank.

Điều 40. Dương nhiên mất tư cách

1. Các trường hợp dương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

a. Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 39 Điều lệ Nam A Bank;

b. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Nam Bank khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;

c. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

d. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

e. Khi Nam A Bank bị thu hồi Giấy phép;

f. Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực;

g. Chết.

2. Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự dương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, f và g khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhân sự dương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi dương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Nam A Bank vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 41. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Trừ trường hợp dương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 40 Điều lệ Nam A Bank, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc của Nam A Bank bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Nam A Bank;

b. Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật các tổ chức tín dụng;

d. Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 41 và khoản 3 Điều 43 của Luật các tổ chức tín dụng;

e. Khi Đại hội đồng cổ đông của Nam A Bank xét thấy việc bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát là cần thiết;

f. Khi Hội đồng quản trị của Nam A Bank xét thấy việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc là cần thiết;

g. Các trường hợp khác do Nam A Bank quy định.

2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc của Nam A Bank vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 42. Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và người điều hành

1. Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; người điều hành tổ chức tín dụng vi phạm quy định tại Điều 43, khoản 10 Điều 48 của Luật các tổ chức tín dụng hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật các tổ chức tín dụng; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.

2. Ban kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; người điều hành được kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.

3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.

Mục X. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác

Điều 43. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Nam A Bank.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 49 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Nam A Bank.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Nam A Bank, công ty con, công ty khác do Nam A Bank nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Nam A Bank phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải có nghĩa vụ chấp hành đúng các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Nam A Bank và các Quy chế nội bộ của Nam A Bank trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra.

2. Nam A Bank bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Nam A Bank là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Nam A Bank ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Nam A Bank, hành động trung thực, cân trọng vì lợi ích của Nam A Bank trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Nam A Bank có thể mua bảo hiểm cho những người quy định tại khoản 2 Điều này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Mục XI. Hội đồng quản trị

Điều 46. Thành phần và Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba (2/3) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị của Nam A Bank, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.

2. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Nam A Bank và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không phải là thành viên độc lập của Nam A Bank không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

- a. Người điều hành Nam A Bank, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của Nam A Bank;
- b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Nam A Bank hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
- c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Nam A Bank không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

- a. Người điều hành Nam A Bank;
- b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
- c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

6. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông đề cử, ứng cử (bao gồm đề cử người khác và tự ứng cử) các ứng cử viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc như sau:

- a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử một (01) ứng cử viên;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa hai (02) ứng cử viên;

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa ba (03) ứng cử viên;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;

e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa năm (05) ứng cử viên;

f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;

g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;

h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

7. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Nam A Bank, Quy chế nội bộ về quản trị Nam A Bank và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Nam A Bank.

9. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Nam A Bank không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

Điều 47. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Nam A Bank phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Nam A Bank trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và người điều hành khác.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Nam A Bank và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

1. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 26 của Điều lệ này;

2. Quyết định việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Nam A Bank;

3. Quyết định cơ cấu tổ chức của trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch, công ty con, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của Nam A Bank;

4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị;

5. Cử người đại diện phần vốn góp của Nam A Bank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác;

6. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Nam A Bank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Nam A Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

7. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Nam A Bank mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Nam A Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

8. Quyết định khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật các tổ chức tín dụng, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

9. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Nam A Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Nam A Bank với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Nam A Bank; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Nam A Bank; công ty con, công ty liên kết của Nam A Bank. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết;

10. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Nam A Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

11. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hằng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc;

12. Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của Nam A Bank phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

13. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Nam A Bank;

14. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên;

15. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán;

16. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Nam A Bank;

17. Quyết định mua lại cổ phần của Nam A Bank theo phương án được duyệt;

18. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

19. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát;

20. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

21. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

22. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc;

23. Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán Nam A Bank và báo cáo kết quả thực hiện cho Đại hội đồng cổ đông;

24. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật;

25. Trình Thống đốc NHNN chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định của pháp luật;

26. Kiến nghị việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ngân hàng;

27. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

28. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Nam A Bank bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua;

29. Quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 48. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- d. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- f. Làm Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
- g. Bảo đảm thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;



✓

h. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

i. Giám sát thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công;

j. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Nam A Bank. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị;

k. Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;

l. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Nam A Bank, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

m. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị Nam A Bank theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Nam A Bank;

b. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Nam A Bank và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;

c. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo;

d. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

e. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;

f. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình. Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết;

g. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 18 Điều 70 của Luật các tổ chức tín dụng;

h. Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

i. Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu;

j. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 49. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Nam A Bank theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Nam A Bank và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí phù hợp với ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị từng thời kỳ.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Nam A Bank mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

Điều 50. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị

1. Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành.

3. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Nam A Bank phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp Nam A Bank được kiểm soát đặc biệt.

5. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị đã miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

6. Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Điều lệ này, Hội đồng quản trị có thể tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

Điều 51. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Triệu tập và thông báo:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

b. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

c. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- i. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- ii. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- iii. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

Đề nghị quy định tại điểm c khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

d. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm c khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Nam A Bank; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

e. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Nam A Bank hoặc những địa điểm khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

f. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Nam A Bank.

2. Điều kiện tiến hành:

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

3. Tham dự và biểu quyết:

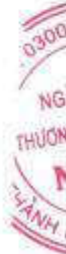
a. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- ii. Ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác đến dự họp và biểu quyết, trừ trường hợp ủy quyền tham dự và biểu quyết thông qua các nội dung quy định tại điểm g khoản 2 Điều 48 Điều lệ này;
- iii. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- iv. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- v. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ.

b. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

c. Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp thì không có quyền biểu quyết thông qua các giao dịch này.

d. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.



✓

e. Trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến thì thực hiện theo quy định cụ thể của Hội đồng quản trị.

4. Lấy ý kiến bằng văn bản:

Trường hợp Hội đồng quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

a. Được sự nhất trí bằng văn bản của trên 50% (năm mươi phần trăm) các thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

5. Biên bản họp:

Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có các nội dung chủ yếu quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật doanh nghiệp. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Nam A Bank. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích và áp dụng theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.

Điều 52. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thành lập các ủy ban, hội đồng, văn phòng, bộ phận khác để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Nhiệm vụ, quyền hạn của các ủy ban, văn phòng, bộ phận này do Hội đồng quản trị quy định trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 53. Người phụ trách quản trị Nam A Bank

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị Nam A Bank để hỗ trợ hoạt động quản trị ngân hàng được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị có thể kiêm nhiệm làm Thư ký theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Nam A Bank;

b. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Người phụ trách quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Nam A Bank và cổ đông;

- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Nam A Bank;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Mục XII. Tổng giám đốc và người điều hành khác

Điều 54. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Nam A Bank phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Nam A Bank. Nam A Bank có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị và được thông qua một cách hợp pháp.

Điều 55. Người điều hành

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Nam A Bank được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý Nam A Bank do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Nam A Bank đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

3. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Nam A Bank theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Nam A Bank và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 56. Tổng giám đốc

1. Điều hành hoạt động Nam A Bank là Tổng giám đốc, giúp việc cho Tổng giám đốc là Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong số thành viên của mình hoặc một người khác làm Tổng giám đốc hoặc thuê Tổng giám đốc và sẽ ký một hợp đồng lao động quy định lương, bồi thường, các quyền lợi và các điều khoản khác đối với Tổng giám đốc. Lương, bồi thường và các quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo với Đại hội đồng cổ đông và ghi tại báo cáo năm của Nam A Bank.

3. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Nam A Bank.

4. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm và có thể tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.

5. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc là người quản lý, người điều hành công ty con của Nam A Bank.

Điều 57. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị chỉ được ra quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc, sau khi đã được NHNN có văn bản chấp thuận. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bổ nhiệm Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của NHNN.

2. Tổng giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng quản trị, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

3. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày Tổng giám đốc: (i) bị xác định đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Điều lệ này, hoặc (ii) bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi chưa có người thay thế, hoặc (ii) vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ Nam A Bank, dẫn đến Hội đồng quản trị tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng giám đốc; khi đó, Hội đồng quản trị quyết định cử ngay một Phó Tổng giám đốc điều hành hoạt động Nam A Bank để đảm bảo Nam A Bank hoạt động ổn định, liên tục. Người được cử điều hành Nam A Bank phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này.

4. Trường hợp khuyết Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng giám đốc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc.

Điều 58. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Nam A Bank.

3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.

4. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.

5. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý.

6. Báo cáo với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Nam A Bank.

7. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó, kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị.

8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức quản lý của Nam A Bank trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.

9. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của Điều lệ Nam A Bank.

10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh quản lý, điều hành của Nam A Bank, trừ chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

11. Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh Nam A Bank theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Nam A Bank.

12. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Nam A Bank.

13. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.

14. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

Mục XIII. Ban kiểm soát

Điều 59. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có tối thiểu 05 (năm) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Nam A Bank và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Nam A Bank trong 03 năm liền trước đó.

2. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế thành viên bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.



4. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan của người quản lý Nam A Bank và không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a. Người quản lý, người điều hành Nam A Bank, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Nam A Bank hoặc công ty con của Nam A Bank;

b. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của Nam A Bank là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.

5. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

6. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông đề cử, ứng cử (bao gồm đề cử người khác và tự ứng cử) các ứng cử viên Ban kiểm soát theo nguyên tắc như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử một (01) ứng cử viên;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa hai (02) ứng cử viên;

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa ba (03) ứng cử viên;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;

e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa năm (05) ứng cử viên;

f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;

g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;

h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

7. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Nam A Bank, Quy chế nội bộ về quản trị Nam A Bank và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Những người được bầu giữ chức Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

2. Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

a. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Nam A Bank trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ Nam A Bank;

b. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của Nam A Bank về kế toán, báo cáo;

c. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Nam A Bank, có quyền sử dụng các nguồn lực của Nam A Bank để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát;

d. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của Nam A Bank; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

e. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Nam A Bank thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

f. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Luật các tổ chức tín dụng về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Nam A Bank;

g. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Nam A Bank khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:

i. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

ii. Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

h. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành Nam A Bank có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Nam A Bank, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có);

i. Lập danh sách cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Nam A Bank, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này;

j. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ Nam A Bank;

k. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp hoặc trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc vượt quá thẩm quyền được giao;

l. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ trên cơ sở phù hợp với cơ chế chung của Nam A Bank;

m. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các Điểm f, h và k Khoản 2 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng;

n. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

Điều 61. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Khoản 2 Điều 60 Điều lệ Nam A Bank và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;

b. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát;

c. Thay mặt Ban kiểm soát ký văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát;

d. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 60 của Điều lệ này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường;

e. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết;

f. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;

g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát;

h. Bảo đảm thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét;

i. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát;

j. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ;

k. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

2. Thành viên Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:
 - a. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Nam A Bank, quy định nội bộ của Ban kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Nam A Bank và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;
 - b. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát;
 - c. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường;
 - d. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục;
 - e. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Nam A Bank;
 - f. Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của Nam A Bank cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;
 - g. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường của Nam A Bank và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình;
 - h. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó;
 - i. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

3. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí phù hợp với ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thông qua và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát từng thời kỳ.

Điều 62. Thay thế thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên của Ban kiểm soát đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 40 và Điều 41 của Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của NHNN.
2. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải có đơn gửi đến Ban kiểm soát. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để bầu Trưởng Ban kiểm soát mới.
3. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất quyết định.
4. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Nam A Bank phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp Nam A Bank được kiểm soát đặc biệt.

Điều 63. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Chi tiết về điều kiện tiến hành, cách thức tham dự và biểu quyết tại cuộc họp của Ban kiểm soát thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Mục XIV. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ ngân hàng

Điều 64. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Nam A Bank, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Nam A Bank.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Nam A Bank, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Nam A Bank vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Nam A Bank phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy phép, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ sẽ được công bố trên website của Nam A Bank.

Mục XV. Người lao động và công đoàn

Điều 65. Người lao động và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Nam A Bank với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Nam A Bank và quy định pháp luật hiện hành.

Mục XVI. Phân chia lợi nhuận

Điều 66. Cổ tức

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Nam A Bank.

2. Nam A Bank không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Nam A Bank phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Nam A Bank đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Nam A Bank không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Nam A Bank chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Mục XVII. Hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quỹ dự trữ, năm tài chính, hệ thống kế toán

Điều 67. Hệ thống kiểm soát nội bộ

Nam A Bank thiết lập một hệ thống kiểm soát nội bộ như sau:

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Nam A Bank và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro.

2. Hệ thống kiểm soát nội bộ của Nam A Bank được thiết lập để bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- a. Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
- b. Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
- c. Tuân thủ pháp luật và các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của Nam A Bank.

3. Nam A Bank xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 68. Kiểm toán nội bộ

1. Nam A Bank thành lập kiểm toán nội bộ thuộc Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ Nam A Bank.

2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của Nam A Bank; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Nam A Bank hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban kiểm soát và gửi Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Nam A Bank.

Điều 69. Chế độ Tài chính

1. Nam A Bank chấp hành chế độ tài chính theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Nam A Bank chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của Nam A Bank.

Điều 70. Phân phối lợi nhuận và các quỹ

1. Phần lợi nhuận còn lại của Nam A Bank sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thì được phân phối theo quy định của Chính phủ.

2. Hằng năm, Nam A Bank trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ sau đây:

- a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập hằng năm theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không được vượt quá mức vốn điều lệ của Nam A Bank;
- b. Quỹ dự phòng tài chính;
- c. Quỹ đầu tư phát triển;
- d. Quỹ khen thưởng;
- e. Quỹ phúc lợi;
- f. Quỹ dự trữ khác theo quy định pháp luật.

Điều 71. Kế toán và Thuế

1. Nam A Bank thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.
2. Năm tài chính của Nam A Bank bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

3. Nam A Bank lập sổ sách kế toán theo loại hình kinh doanh bằng tiếng Việt. Các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.
4. Chế độ kế toán Nam A Bank sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận. Nam A Bank thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do NHNN quy định

Mục XVIII. Báo cáo hàng năm, trách nhiệm cung cấp thông tin, thông báo ra công chúng

Điều 72. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Nam A Bank lập các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, điều tra thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính của Nam A Bank bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hàng năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình lãi và lỗ của Nam A Bank trong năm tài chính.

Nam A Bank có công ty con thì phải lập báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật.

3. Ngoài những báo cáo định kỳ, Nam A Bank báo cáo kịp thời cho NHNN trong những trường hợp sau:
 - a. Phát sinh diễn biến bất thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của Nam A Bank;
 - b. Thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Nam A Bank; mua, bán, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của cổ đông lớn;
 - c. Thay đổi tên chi nhánh của Nam A Bank; tạm ngừng hoạt động kinh doanh dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.
4. Công ty con, công ty liên kết của Nam A Bank có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho NHNN khi được yêu cầu.
5. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Nam A Bank phải gửi báo cáo hằng năm cho NHNN theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý phải được công bố thông tin vào báo cáo Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật. Nam A Bank thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Nam A Bank và trên Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo đúng quy định pháp luật về chứng khoán.

Điều 73. Báo cáo thường niên

Nam A Bank phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Mục XIX. Kiểm toán ngân hàng

Điều 74. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để tiến hành các hoạt động kiểm toán Nam A Bank.

2. Nam A Bank phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.

3. Tổ chức kiểm toán độc lập của Nam A Bank sẽ kiểm tra, xác thực và báo cáo trên cơ sở báo cáo kế toán hàng năm các khoản thu chi của Nam A Bank và phải chuẩn bị Báo cáo Kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị.

4. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Nam A Bank.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Nam A Bank được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Nam A Bank.

6. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của Nam A Bank được thực hiện theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của NHNN.

7. Trong quá trình kiểm toán, Nam A Bank có trách nhiệm:

a. Cung cấp kịp thời, đầy đủ và trung thực mọi thông tin, tài liệu cần thiết cho việc kiểm toán;

b. Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho kiểm toán viên thực hiện kiểm toán.

8. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải họp, đánh giá kỹ lưỡng về báo cáo kiểm toán và các kiến nghị của kiểm toán độc lập, đưa ra kế hoạch và thời gian biểu thực hiện các kiến nghị của kiểm toán độc lập và theo dõi việc thực hiện kế hoạch đó.

Mục XX. Con dấu

Điều 75. Dấu của Nam A Bank

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Nam A Bank, chi nhánh, phòng giao dịch của Nam A Bank.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mục XXI. Chấm dứt hoạt động và thanh lý

Điều 76. Báo cáo và Kiểm soát Đặc biệt

1. Nam A Bank có thể bị NHNN xem xét, quyết định đặt vào kiểm soát đặc biệt khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật các tổ chức tín dụng.

2. Kể từ ngày Nam A Bank được đặt vào kiểm soát đặc biệt, cổ đông của Nam A Bank phải báo cáo việc sử dụng cổ phần; không được chuyển nhượng cổ phần; không được sử dụng cổ phần để làm tài sản bảo đảm, trừ trường hợp thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 192 Luật các tổ chức tín dụng, Nam A Bank được vay đặc biệt từ NHNN, tổ chức tín dụng khác. Khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính khác, kể cả các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính có tài sản bảo đảm của Nam A Bank.

Điều 77. Phá sản

Việc phá sản thực hiện theo quy định tại Điều 203 Luật các tổ chức tín dụng.

Điều 78. Giải thể Nam A Bank

Nam A Bank bị giải thể trong các trường hợp sau:

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định giải thể và chấm dứt hoạt động Nam A Bank theo quy định của pháp luật và được NHNN chấp thuận.

2. Khi hết hạn hoạt động Nam A Bank không xin gia hạn giấy phép hoạt động hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận.

3. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của Nam A Bank.

4. Việc giải thể Nam A Bank trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 79. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Nam A Bank theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, gia hạn thời hạn hoạt động thực hiện theo quy định của NHNN.

Điều 80. Thanh lý Nam A Bank

1. Trường hợp Nam A Bank bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý Nam A Bank được thực hiện theo quy định của Luật phá sản doanh nghiệp.

2. Khi giải thể theo Điều 81 của Điều lệ này, Nam A Bank tiến hành thanh lý ngay dưới sự giám sát của NHNN.

3. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Nam A Bank hoặc sau khi có một quyết định giải thể Nam A Bank, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Nam A Bank hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Nam A Bank ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Nam A Bank.

4. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Nam A Bank trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Nam A Bank trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

5. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Nam A Bank;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm a đến điểm d khoản này được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Mục XXII. Giải quyết tranh chấp nội bộ

Điều 81. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Nam A Bank, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Nam A Bank, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa: (i) Cổ đông với Nam A Bank; hoặc (ii) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác; các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 06 làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Mục XXIII. Thông tin và bảo mật

Điều 82. Thông tin

1. Nam A Bank cung cấp thông tin cho chủ tài khoản về những giao dịch và số dư trên tài khoản của họ tại Nam A Bank theo thỏa thuận với chủ tài khoản.
2. Nam A Bank được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động ngân hàng và về khách hàng.
3. Nam A Bank có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho NHNN về tình hình hoạt động kinh doanh, nhân sự theo yêu cầu của NHNN và được NHNN cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động ngân hàng của những khách hàng có quan hệ với Nam A Bank.

Điều 83. Nghĩa vụ bảo mật

1. Nhân viên của Nam A Bank và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật quốc gia và bí mật kinh doanh của Nam A Bank mà mình biết.
2. Nam A Bank được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tài sản của khách hàng và hoạt động của Nam A Bank, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Mục XXIV. Điều khoản thi hành

Điều 84. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào đến bất cứ quy định pháp luật nào sẽ bao gồm cả những quy định pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Nam A Bank chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Nam A Bank.

Điều 85. Hiệu lực

1. Điều lệ này gồm 85 Điều, có hiệu lực kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông của Nam A Bank thông qua và ký ban hành.
2. Điều lệ được lập thành bốn (04) bản gốc, có giá trị như nhau, được nộp cho các Cơ quan Nhà nước và được lưu trữ tại Trụ sở của Nam A Bank.
3. Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của Nam A Bank được bầu, bổ nhiệm trước ngày 01/07/2024 mà không đáp ứng quy định tại các Điều 41, 42 và 43 của Luật các tổ chức tín dụng được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.
4. Hội đồng quản trị của Nam A Bank được bầu trước ngày 01/07/2024 mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 46 của Điều lệ này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

5. Ban kiểm soát của Nam A Bank được bầu trước ngày 01/07/2024 mà không đáp ứng quy định về số lượng tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 59 Điều lệ này được tiếp tục hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, trừ trường hợp Nam A Bank bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.

6. Kể từ ngày 01/07/2024, cổ đông, cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 16 của Điều lệ này được tiếp tục duy trì cổ phần nhưng không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á
✓ TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Ngô Phúc Vũ

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
Mục I. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
Mục II. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài và thời gian hoạt động của Nam A Bank.....	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài và thời gian hoạt động của Nam A Bank.....	3
Mục III. Mục tiêu của Nam A Bank.....	4
Điều 3. Mục tiêu của Nam A Bank.....	4
Mục IV. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Nam A Bank	5
Điều 4. Hoạt động của Nam A Bank	5
Điều 5. Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá	6
Điều 6. Mở tài khoản	6
Điều 7. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán	6
Điều 8. Góp vốn, mua cổ phần	6
Điều 9. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh	7
Điều 10. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý	7
Điều 11. Các hoạt động kinh doanh khác.....	7
Mục V. Vốn điều lệ và vốn hoạt động.....	8
Điều 12. Vốn điều lệ.....	8
Điều 13. Thay đổi vốn điều lệ	9
Điều 14. Vốn hoạt động của Nam A Bank gồm các nguồn sau:	10
Mục VI. Cổ phần, cổ phiếu, cổ đông, cổ đông lớn và cổ đông sáng lập.....	10
Điều 15. Cổ phần, Cổ đông	10
Điều 16. Giới hạn sở hữu cổ phần.....	12
Điều 17. Cổ phiếu.....	12
Điều 18. Chứng chỉ chứng khoán khác	13
Điều 19. Chuyển nhượng Cổ phần	13
Mục VII. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	14
Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý	14
Mục VIII. Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 21. Sổ đăng ký cổ đông.....	15
Điều 22. Quyền hạn của Cổ đông.....	15
Điều 23. Nghĩa vụ của Cổ đông	17
Điều 24. Đại hội đồng cổ đông thường niên	18
Điều 25. Đại hội đồng cổ đông bất thường	18
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 27. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 28. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 29. Thay đổi các quyền.....	22



Điều 30. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và Thông báo	22
Điều 31. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 32. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 33. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 34. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 35. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 36. Báo cáo kết quả Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 37. Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông	29
Mục IX. Điều khoản chung của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc ...	29
Điều 38. Quy định chung	29
Điều 39. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ	29
Điều 40. Đương nhiên mất tư cách	31
Điều 41. Miễn nhiệm, bãi nhiệm.....	31
Điều 42. Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và người điều hành	32
Mục X. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác	32
Điều 43. Trách nhiệm cẩn trọng.....	32
Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	33
Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	33
Mục XI. Hội đồng quản trị	33
Điều 46. Thành phần và Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	33
Điều 47. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	35
Điều 48. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị	37
Điều 49. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	39
Điều 50. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị.....	39
Điều 51. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	40
Điều 52. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị.....	42
Điều 53. Người phụ trách quản trị Nam A Bank	42
Mục XII. Tổng giám đốc và người điều hành khác	43
Điều 54. Tổ chức bộ máy quản lý	43
Điều 55. Người điều hành.....	43
Điều 56. Tổng giám đốc.....	43
Điều 57. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc	44
Điều 58. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	44
Mục XIII. Ban kiểm soát	45
Điều 59. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát.....	45
Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát	46
Điều 61. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát	48
Điều 62. Thay thế thành viên Ban kiểm soát	49
Điều 63. Các cuộc họp của Ban kiểm soát.....	50

Mục XIV. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ ngân hàng	50
Điều 64. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	50
Mục XV. Người lao động và công đoàn	50
Điều 65. Người lao động và công đoàn	50
Mục XVI. Phân chia lợi nhuận.....	51
Điều 66. Cổ tức.....	51
Mục XVII. Hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quỹ dự trữ, năm tài chính, hệ thống kế toán.....	51
Điều 67. Hệ thống kiểm soát nội bộ.....	51
Điều 68. Kiểm toán nội bộ	52
Điều 69. Chế độ Tài chính.....	52
Điều 70. Phân phối lợi nhuận và các quỹ	52
Điều 71. Kế toán và Thuế.....	53
Mục XVIII. Báo cáo hàng năm, trách nhiệm cung cấp thông tin, thông báo ra công chúng	53
Điều 72. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	53
Điều 73. Báo cáo thường niên	54
Mục XIX. Kiểm toán ngân hàng.....	54
Điều 74. Kiểm toán.....	54
Mục XX. Con dấu	54
Điều 75. Dấu của Nam A Bank	54
Mục XXI. Chấm dứt hoạt động và thanh lý.....	55
Điều 76. Báo cáo và Kiểm soát Đặc biệt.....	55
Điều 77. Phá sản	55
Điều 78. Giải thể Nam A Bank.....	55
Điều 79. Gia hạn hoạt động	55
Điều 80. Thanh lý Nam A Bank	55
Mục XXII. Giải quyết tranh chấp nội bộ	56
Điều 81. Giải quyết tranh chấp nội bộ	56
Mục XXIII. Thông tin và bảo mật	57
Điều 82. Thông tin.....	57
Điều 83. Nghĩa vụ bảo mật.....	57
Mục XXIV. Điều khoản thi hành	57
Điều 84. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	57
Điều 85. Hiệu lực.....	57

